



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG  
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN HẠNG CHƯƠNG  
TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP)  
HUYỆN VĂN LÃNG

**HỒ SƠ SẢN PHẨM OCOP  
DỰ THI ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG NĂM 2024**

|            |   |
|------------|---|
| Sản phẩm   | Gạo nếp Mèng Thương                           |
| Tên cơ sở  | Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt                     |
| Địa phương | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng |
| Biểu tượng |   |
| Giấy ĐKKD  | 12C8003249                                    |
| Địa chỉ    | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng |
| Điện thoại | 0399.500.765                                  |
| Email      |   |
| Website    | ocopvanlang.com                               |
| Đại diện   | Phùng Văn Đại – Tổ trưởng Tổ hợp tác          |

Văn Lãng, năm 2024

# PHẦN 1

---

## TÀI LIỆU BẮT BUỘC

1. Phiếu đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm
2. Báo cáo tự đánh giá về sản phẩm
3. Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ**

**Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP  
của tỉnh Lạng Sơn năm 2023**

1. Thông tin về đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

- Họ tên người đại diện pháp lý: Phùng Văn Đại

- Chức vụ: Tổ trưởng THT

- Địa chỉ liên hệ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng,  
tỉnh Lạng Sơn

- Điện thoại: 0399.500.765 Email:

2. Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm<sup>1</sup>):

- Ngành: Thực phẩm

- Nhóm: Thực phẩm thô, sơ chế

- Phân nhóm: Gạo, ngũ cốc, hạt sơ chế khác

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu  Nâng hạng:  Đánh giá lại:

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử).

- Sản phẩm mẫu (số lượng): ..... sản phẩm.

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm.

Văn Lãng, ngày 15 tháng 11 năm 2023

**TỔ TRƯỞNG THT**

(ký tên, đóng dấu)



**Phùng Văn Đại**

<sup>1</sup> Theo Phụ lục I về Danh mục phân loại sản phẩm tham gia chương trình OCOP.

**PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ**

**DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP HUYỆN**

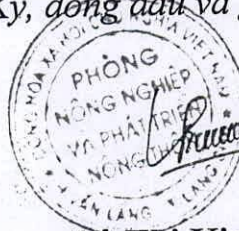
Phiếu số:..... - ...../PĐK- - -

Ngày nhận: 15/11/2023

Người tiếp nhận: Hoàng Thái Sơn

Chữ ký: .....

**Cơ quan tiếp nhận**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**Lô Thị Kim Oanh**

**DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP TỈNH**

Phiếu số:..... - ...../PĐK- - -

Ngày nhận: .....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....

**Cơ quan tiếp nhận**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



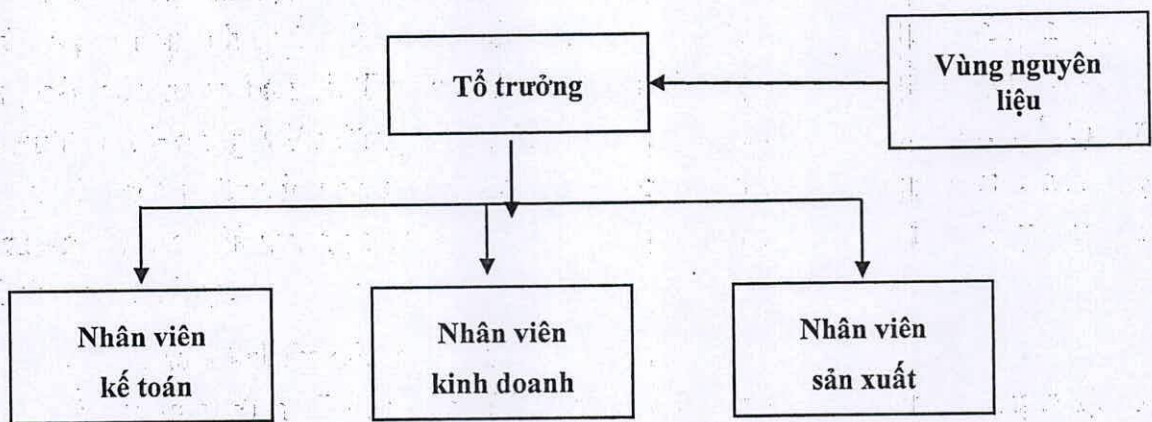
Tự hào được sinh ra và lớn lên tại quê hương xã Hoàng Việt là vùng đất có truyền thống làm nông nghiệp, để học tập và noi gương từ nhỏ đã theo bố mẹ để phụ việc đồng áng, chăn nuôi .. Sau khi học xong phổ thông do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên tôi không tiếp tục học chuyên nghiệp, nên tôi thấu hiểu cuộc sống khó khăn của người dân vùng quê, mặc dù không tiếp tục con đường học tập nhưng tôi vẫn luôn xác định sẽ phát triển sản xuất nông nghiệp để thoát cảnh cuộc sống khó khăn trên chính mảnh đất quê hương mình từ đó tôi tập chung phát triển chăn nuôi, sản xuất.

Với điều kiện tự nhiên của vùng các hộ dân chủ yếu tập trung sản xuất trồng lúa gạo nếp mèng thương là chính, mỗi năm người dân cấy từ 4 ha đến 6 trở lên Tuy nhiên trong những năm gần đây tổng diện tích trồng lúa trên địa bàn tăng đầu ra của sản phẩm chủ yếu là bán ra thị trường như Nhà Minh định, nhà hàng thảo ngân, các cửa hàng bán lẻ. Trước tình cảnh đó tôi quyết định thành lập Tổ hợp tác Sản xuất lúa Hoàng Việt đăng ký kinh doanh sản xuất Gạo, lúa mỳ.... Trước mắt giải quyết một phần việc tiêu thụ gạo cho bà con nhân dân trong vùng, tăng thêm thu nhập. Thứ hai là quảng bá sản phẩm của địa phương. Thứ ba tạo thêm sản phẩm mới cho thị trường.

### 9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể:

Tổ hợp tác gồm: Tổ trưởng (01 người), nhân viên kế toán (01 người), nhân viên kinh doanh (01 người), nhân viên sản xuất (02 người).

#### A. Sơ đồ tổ chức bộ máy hợp tác xã



#### B. Chức năng nhiệm vụ các bộ trong sơ đồ tổ chức

Vùng nguyên liệu: Tổ trưởng trực tiếp làm việc với các hộ dân vùng nguyên liệu thực hiện ký kết hợp đồng mua bán đầu vào cho sản phẩm.

Tổ trưởng: Quản lí các công việc chung của cả quá trình sản xuất, giám sát quy trình, chất lượng sản phẩm. Xây dựng và điều phối thực hiện các kế hoạch của cơ sở.

Nhân viên kế toán: Thực hiện hoạt động kế toán của cơ sở (thu, chi, công nợ); cung ứng vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất; quản lý kho (xuất nhập thành phẩm), chấm công tính lương.

Nhân viên sản xuất: Có nhiệm vụ thực hiện quá trình Phơi thóc, cho thóc vào máy xát, máy đánh bóng gạo, hoàn thiện sản phẩm (đóng gói), đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm.

Nhân viên kinh doanh: Phụ trách toàn bộ hoạt động kinh doanh, dưới sự phân công của tổ trưởng, thực hiện tham gia các hội chợ, hội nghị trưng bày sản phẩm, quảng bá sản phẩm, thực hiện quản lý website và bán hàng online. Hỗ trợ tổ trưởng thực hiện tìm đầu ra cho sản phẩm

## Phần II

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

#### 1. Hoạt động sản xuất

##### 1.1. Tổ chức vùng nguyên liệu

- Năm 2022: Liên kết và tiêu thụ với 40 hộ dân trong tổ hợp tác được 14ha, sản lượng tiêu thụ được 90 tấn/năm.

- Năm 2023: Tiếp tục liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm 10 hộ dân, diện tích 16 ha trên địa bàn xã Hoàng Việt, sản lượng tiêu thụ đạt 110 tấn/năm.

Lựa chọn các hộ gia đình thực hiện đạt tiêu chuẩn theo chương trình VietGAP lúa.

Tạo việc làm cho hơn 60 người dân. Ký kết hợp tác với các hộ nghèo, cận nghèo trong xã bao tiêu sản phẩm đầu vào, giúp người dân có công ăn việc làm và góp phần tạo sinh kế bền vững.

##### 1.2. Công nghệ sản xuất

- Đối với vùng nguyên liệu:

+ Tất cả vùng trồng đều phải được trồng theo tiêu chuẩn VietGAP và đã được chứng nhận VietGAP.

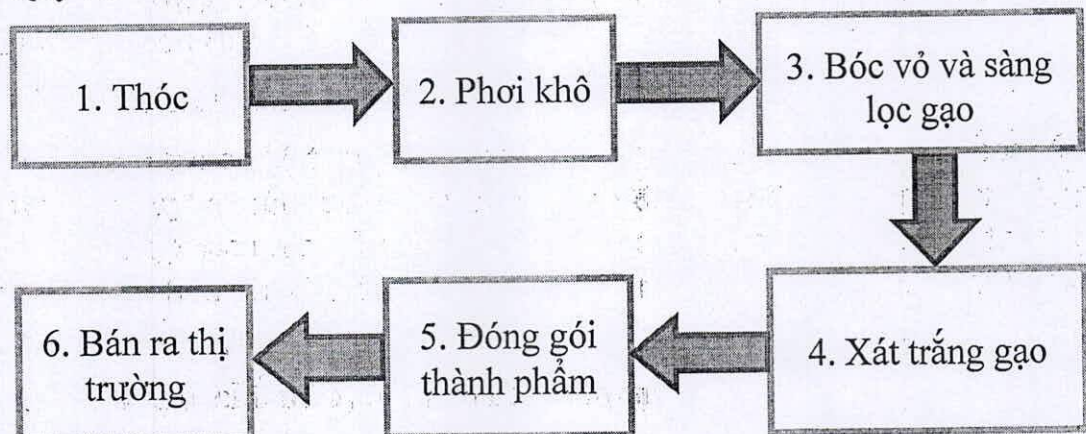
- Đối với hoạt động sản xuất:

+ Tổ hợp tác có hệ thống hạ tầng và máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục và sản lượng lớn đáp ứng thị trường, gồm nhiều phân khu chức năng khác nhau: Sân phơi, khu sản xuất; máy móc chuyên dụng áp dụng sản xuất: Máy tuốt lúa (01 máy), máy sát (01 máy), kho chứa (01 kho), máy đóng gói (01 máy),...

##### 1.3. Sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm

Quy trình sản xuất khép kín, các công đoạn sản xuất tuân thủ quy định An toàn thực phẩm.

Quy trình sản xuất:



##### 1.4. Bảo vệ môi trường

- Tổ hợp tác đã hoàn thành đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định (Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Phế phụ phẩm trong quá trình sản xuất được thu gom, xử lý, sơ chế, chế biến tạo ra một số dòng sản phẩm (Hạt thóc không đạt tiêu chuẩn sẽ thực hiện chuyển sang làm thức ăn chăn nuôi,...).

Tổ hợp tác không sử dụng Hoá chất trong toàn bộ quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

## **2. Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm**

### **2.1. Chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng**

- Trước khi đăng ký tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), thời điểm trước tháng 9/2023.

+ Sản phẩm chưa có: Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm (bản tự công bố, tiêu chuẩn sản phẩm). Sản phẩm đang trong quá trình hoàn thiện quy trình sản xuất,...

- Sau khi đăng ký tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP),

03/20  
nông

Việt/2

+

Việt t  
Việt.

+

phẩm

2.

-

định hi

-

1kg, 3k

3.

- 1

+ 1

định từ  
nam.

**Phần III**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM**  
**OCOP**

**1. Tự đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí OCOP**

Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Sản phẩm Gạo nếp Mèng Thương thuộc bộ sản phẩm: Gạo, ngũ cốc, hạt sò chế khác (Sản phẩm: Thực phẩm. Nhóm: Thực phẩm thô, sơ chế).

Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tự đánh giá sản phẩm gạo nếp Mèng Thương đạt 58 điểm, xếp hạng 3 sao.

Bảng tự đánh giá cụ thể sau:

| Các tiêu chí  | Thang điểm (Điểm) | Điểm tự đánh giá |
|---|-------------------|------------------|
| <b>Phần A</b><br><b>SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b><br><b>(40 Điểm)</b>  | <b>40</b>         | <b>24</b>        |
| <b>I. TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>  | <b>18</b>         | <b>10</b>        |
| <b>a) Nguồn gốc sản phẩm</b>  | <b>5</b>          | <b>5</b>         |
| <i>Yêu cầu: 100% sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp tỉnh</i>  |                   |                  |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp xã dưới 50%   | 1                 |                  |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp xã từ 50% đến dưới 75%  | 3                 |                  |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp xã từ 75% đến 100%  | 5                 | 5                |
| <b>b) Gia tăng giá trị</b>  | <b>3</b>          | <b>1</b>         |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế (rửa, làm sạch, phân loại, đóng gói...) thủ công  | 1                 | 1                |
| <input type="checkbox"/> Ứng dụng máy móc trong sơ chế, đóng gói sản phẩm   | 2                 |                  |
| <input type="checkbox"/> Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế, bảo quản (nâng cao chất lượng sản phẩm/kéo dài thời gian bảo quản và giữ chất lượng ổn định trong quá trình bảo quản...)***** | 3                 |                  |
| <b>c) Năng lực sản xuất để đáp ứng yêu cầu phân phối</b>  | <b>3</b>          | <b>1</b>         |
| <i>(Khả năng sản xuất đáp ứng nhu cầu về số lượng/quy mô của thị trường, so sánh với quy mô trung bình ở cùng đối tượng sản xuất tại địa phương)</i>  |                   |                  |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực, quy mô sản xuất mức độ nhỏ  | 1                 | 1                |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực, quy mô sản xuất trung bình****  | 2                 |                  |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực, quy mô sản xuất lớn, có thể đáp ứng thị trường xuất khẩu*****   | 3                 |                  |
| <b>d) Liên kết chuỗi trong sản xuất</b>   | <b>3</b>          | <b>1</b>         |
| <input type="checkbox"/> Không có liên kết hoặc có nhưng không rõ ràng  | 0                 |                  |
| <input type="checkbox"/> Có hợp đồng liên kết sản xuất từ 50% đến dưới 75% sản lượng tiêu thụ   | 1                 | 1                |

|   |           |          |
|---|-----------|----------|
| <input type="checkbox"/> Có hợp đồng liên kết trên 75% sản lượng tiêu thụ****   | 2         |          |
| <input type="checkbox"/> Có hợp đồng liên kết trên 75% sản lượng tiêu thụ và tổ chức thực hiện hợp đồng ổn định từ 12 tháng trở lên*****  | 3         |          |
| <b>đ) Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất</b>  | <b>3</b>  | <b>1</b> |
| <input type="checkbox"/> Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật và các quy định khác về bảo vệ môi trường****  | 1         | 1        |
| <input type="checkbox"/> Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và hồ sơ minh chứng về công trình thu gom và xử lý chất thải theo quy định  | 2         |          |
| <input type="checkbox"/> Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; hồ sơ minh chứng về công trình thu gom và xử lý chất thải theo quy định và hồ sơ minh chứng về sử dụng bao gói thân thiện với môi trường | 3         |          |
| <b>e) Sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất</b>  | <b>1</b>  | <b>1</b> |
| <input type="checkbox"/> Không sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất   | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Có áp dụng công nghệ theo hướng bền vững môi trường (công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu; hoạt động xử lý/tái chế chất thải; tận thu tái sử dụng, tái chế phụ phẩm nông nghiệp,...)                                | 1         | 1        |
| <b>2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM</b>   | <b>10</b> | <b>6</b> |
| <b>a) Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm</b>  | <b>4</b>  | <b>3</b> |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm được trồng phổ biến ở nhiều tỉnh, thành phố   | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm được trồng phổ biến ở nhiều tỉnh, thành phố nhưng có chất lượng nổi trội, khác biệt do điều kiện đất đai, thời tiết, kỹ thuật bản địa   | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm được trồng ở nhiều nơi trên địa bàn, là sản phẩm đặc trưng của tỉnh, có chất lượng nổi trội   | 3         | 3        |
| <input type="checkbox"/> Sản phẩm là đặc sản, truyền thống, chỉ sản xuất trên địa bàn của huyện, có chất lượng đặc sắc, thương mại gắn với chỉ dẫn nguồn gốc địa lý ****  | 4         |          |
| <i>Ghi chú: Không đánh giá những sản phẩm có tính phổ biến của nhóm sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh mà không có sự nổi trội và đặc sắc.</i>   |           |          |
| <b>b) Đóng gói, bao bì sản phẩm</b>   | <b>3</b>  | <b>1</b> |
| <input type="checkbox"/> Đóng gói theo hình thức thông thường, không có bao bì  | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Đóng gói theo hình thức thông thường, bao bì đơn giản  | 1         | 1        |
| <input type="checkbox"/> Đóng gói sáng tạo, bao bì đẹp  | 2         |          |
| <input type="checkbox"/> Đóng gói sáng tạo, tiện lợi, bao bì đẹp, sang trọng*****   | 3         |          |
| <b>c) Phong cách, ghi nhãn hàng hóa</b>   | <b>3</b>  | <b>2</b> |
| <i>(Gồm: Hình ảnh, màu sắc, ghi nhãn sản phẩm...)</i>   |           |          |
| <input type="checkbox"/> Có nhãn, ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, theo đúng quy định  | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, đúng quy định, thể hiện được thông điệp/câu chuyện sản phẩm  | 2         | 2        |
| <input type="checkbox"/> Ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, đúng quy định, đẹp, thể hiện được thông điệp/câu chuyện sản phẩm; có truy xuất nguồn gốc điện tử****   | 3         |          |

|  |           |           |
|--|-----------|-----------|
| <b>3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG</b>   | <b>12</b> | <b>8</b>  |
| <b>a) Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh</b>  | <b>3</b>  | <b>1</b>  |
| <input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, trang trại, tổ hợp tác (có giấy đăng ký kinh doanh của tổ trưởng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 1 thành viên, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)  | 1         | 1         |
| <input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương <51%   | 2         |           |
| <input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo Luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$  | 3         |           |
| <b>b) Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số</b>   | <b>1</b>  | <b>0</b>  |
| <input type="checkbox"/> Đại diện pháp luật của chủ thể không phải nữ/đồng bào dân tộc thiểu số  | 0         | 0         |
| <input type="checkbox"/> Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số  | 1         |           |
| <b>c) Sử dụng lao động địa phương</b>  | <b>3</b>  | <b>3</b>  |
| <input type="checkbox"/> Có sử dụng từ 50% đến 75% lao động là người trên địa bàn cấp huyện  | 1         |           |
| <input type="checkbox"/> Có sử dụng $\geq 75\%$ lao động là người trên địa bàn cấp huyện   | 3         | 3         |
| <b>d) Tăng trưởng sản xuất kinh doanh</b>  | <b>2</b>  | <b>1</b>  |
| <input type="checkbox"/> Hợp tác xã xếp loại trung bình, các loại hình khác có lợi nhuận tăng trưởng dương so với năm trước liền kề <sup>1</sup>   | 1         | 1         |
| <input type="checkbox"/> Hợp tác xã xếp loại khá, các loại hình khác có 2 năm liên tiếp tăng trưởng dương về lợi nhuận****   | 2         |           |
| <b>đ) Kế toán</b>  | <b>1</b>  | <b>1</b>  |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động kế toán theo quy định  | 0         |           |
| <input type="checkbox"/> Có tổ chức công tác kế toán theo quy định   | 1         | 1         |
| <b>e) Sở hữu trí tuệ****</b>   | <b>2</b>  | <b>2</b>  |
| <input type="checkbox"/> Nhãn hiệu sử dụng trên sản phẩm của chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký  | 1         |           |
| <input type="checkbox"/> Nhãn hiệu sử dụng trên sản phẩm của chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký; và sản phẩm có sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý gắn với cộng đồng địa phương (đối với những sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể thì bắt buộc phải sử dụng) | 2         | 2         |
| <b>Phần B</b>  | <b>25</b> | <b>12</b> |
| <b>KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>   |           |           |
| <b>4. TIẾP THỊ</b>   | <b>13</b> | <b>6</b>  |
| <b>a) Khu vực phân phối chính</b>  | <b>5</b>  | <b>2</b>  |
| <input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện  | 1         |           |
| <input type="checkbox"/> Thị trường ngoài huyện, có dưới 5 đại diện/đại lý phân phối   | 2         | 2         |
| <input type="checkbox"/> Thị trường ngoài huyện, có $\geq 5$ đại diện/đại lý phân phối   | 3         |           |
| <input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế (có hợp đồng); hoặc phân phối tại các kênh thương mại hiện đại: siêu thị, thương mại điện tử... (có hợp đồng và vận hành ổn định ít nhất 6 tháng)  | 5         |           |
| <b>b) Tổ chức phân phối</b>  | <b>4</b>  | <b>1</b>  |

|  |    |    |
|--|----|----|
| (Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối sản phẩm)  |    |    |
| <input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối   | 0  |    |
| <input type="checkbox"/> Có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối   | 1  | 1  |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối  | 3  |    |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối, có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý   | 4  |    |
| <b>c) Quảng bá sản phẩm</b>  | 4  | 3  |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá   | 0  |    |
| <input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá  | 1  |    |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có website của cơ sở/quảng bá trên mạng xã hội, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh                                   | 2  |    |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có website của cơ sở/quảng bá trên mạng xã hội, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh                                   | 3  | 3  |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có website của cơ sở/quảng bá trên mạng xã hội hoạt động thường xuyên, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh và quốc tế | 4  |    |
| <b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>   | 12 | 6  |
| <b>a) Câu chuyện về sản phẩm</b>   | 5  | 2  |
| <input type="checkbox"/> Không có câu chuyện, hoặc có nhưng không được tư liệu hóa   | 0  |    |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm  | 1  |    |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   | 2  | 2  |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn/tờ rơi  | 3  |    |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn/tờ rơi và website   | 4  |    |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn/tờ rơi, website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)  | 5  |    |
| <b>b) Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>   | 5  | 3  |
| <i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện, đánh giá nội dung câu chuyện:</i>  |    |    |
| <input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác  | 0  |    |
| <input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố   | 1  |    |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, gắn với nguồn gốc xuất xứ***   | 3  | 3  |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện sản phẩm đặc sắc, mang sắc thái truyền thống, văn hóa và trí tuệ/bản sắc địa phương****   | 5  |    |
| <b>c) Cấu trúc câu chuyện</b>  | 2  | 1  |
| <i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>   |    |    |
| <input type="checkbox"/> Đơn giản  | 0  |    |
| <input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm  | 1  | 1  |
| <input type="checkbox"/> Ngắn gọn, súc tích và có các thông điệp đặc sắc về sản phẩm/văn hóa/trí tuệ/bản sắc địa phương*****   | 2  |    |
| <b>Phần C</b>  | 35 | 22 |
| <b>CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (35 Điểm)</b>   |    |    |

|  |           |          |
|--|-----------|----------|
| <b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>  | <b>13</b> |          |
| <b>a) Tạp chất</b>   | <b>3</b>  | <b>2</b> |
| <input type="checkbox"/> Có tạp chất, chấp nhận được   | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được  | 2         | 2        |
| <input type="checkbox"/> Sạch, không phát hiện tạp chất*****   | 3         |          |
| <i>Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu phát hiện tạp chất không chấp nhận được như: Bọ, lông, len, cát sỏi,...</i>                |           |          |
| <b>b) Kích thước, độ đồng đều</b>  | <b>3</b>  | <b>2</b> |
| <input type="checkbox"/> Không đồng đều  | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được  | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều  | 2         | 2        |
| <input type="checkbox"/> Đồng đều****  | 3         |          |
| <b>c) Màu sắc</b>  | <b>3</b>  | <b>2</b> |
| <input type="checkbox"/> Chấp nhận được  | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm   | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm****  | 2         | 2        |
| <input type="checkbox"/> Rất tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm*****   | 3         |          |
| <b>d) Mùi, vị</b>  | <b>4</b>  | <b>3</b> |
| <input type="checkbox"/> Có mùi/vị lạ  | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Có mùi/vị lạ, nhưng chấp nhận được  | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Có mùi/vị tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm   | 2         |          |
| <input type="checkbox"/> Có mùi/vị phù hợp với đặc tính sản phẩm****   | 3         | 3        |
| <input type="checkbox"/> Có mùi/vị rất phù hợp với đặc tính sản phẩm*****  | 4         |          |
| <b>7. DINH DƯỠNG</b>   |           | <b>2</b> |
| <i>(Chỉ ra hàm lượng của các chỉ tiêu như: Amylose, cacbonhydrat, năng lượng, lipid,... theo phiếu kiểm nghiệm)</i>                          |           |          |
| <input type="checkbox"/> Không có  | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Có 1 - 2 chỉ tiêu   | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Có trên 2 chỉ tiêu  | 2         | 2        |
| <b>8. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>   | <b>5</b>  | <b>1</b> |
| <i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, có dấu hiệu nhận biết rõ ràng so với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i> |           |          |
| <input type="checkbox"/> Trung bình  | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo   | 1         | 1        |
| <input type="checkbox"/> Độc đáo, mang tính đặc trưng****  | 3         |          |
| <input type="checkbox"/> Rất độc đáo và có tính đặc trưng*****   | 5         |          |
| <b>9. CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, KIỂM TRA ĐỊNH KỲ</b>  | <b>5</b>  |          |
| <b>a) Công bố chất lượng sản phẩm</b>  | <b>2</b>  | <b>2</b> |
| <i>(Khuyến khích cơ sở xây dựng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm)</i>  |           |          |
| <input type="checkbox"/> Không có Bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm/chất lượng   | 0         |          |
| <input type="checkbox"/> Có tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm   | 1         |          |
| <input type="checkbox"/> Có công bố tiêu chuẩn/chất lượng sản phẩm theo quy định***  | 2         | 2        |
| <i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm</i>   |           |          |

|  |            |           |
|--|------------|-----------|
| <i>các chỉ tiêu ATTP</i>   |            |           |
| <b>b) Kiểm tra định kỳ các chỉ tiêu ATTP theo quy định</b>   | <b>3</b>   | <b>3</b>  |
| <i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>   |            |           |
| <input type="checkbox"/> Không có  | 0          |           |
| <input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt   | 1          |           |
| <input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ  | 2          |           |
| <input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định   | 3          | 3         |
| <b>10. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>   | <b>5</b>   | <b>3</b>  |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm  | 0          |           |
| <input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát nội bộ chất lượng sản phẩm  | 1          |           |
| <input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát nội bộ gắn với truy xuất nguồn gốc theo quy định***   | 2          |           |
| <input type="checkbox"/> Có Chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến của Việt Nam (VietGAP/hữu cơ/...)****  | 3          | 3         |
| <input type="checkbox"/> Có chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đủ điều kiện ATTP cho xuất khẩu và các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của thị trường đích***** | 5          |           |
| <i>Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định</i>   |            |           |
| <b>11. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐỂ ĐẢM BẢO SẢN PHẨM CÓ CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG</b>  | <b>2</b>   | <b>1</b>  |
| <input type="checkbox"/> Có hướng dẫn sử dụng sản phẩm đơn giản  | 1          | 1         |
| <input type="checkbox"/> Có hướng dẫn sử dụng chi tiết, cụ thể để đảm bảo chất lượng sản phẩm*****   | 2          |           |
| <b>12. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU</b>  | <b>3</b>   | <b>1</b>  |
| <input type="checkbox"/> Có thể xuất khẩu đến thị trường khu vực Đông Nam Á  | 1          | 1         |
| <input type="checkbox"/> Có thể xuất khẩu các thị trường ngoài khu vực Đông Nam Á  | 2          |           |
| <input type="checkbox"/> Có thể xuất khẩu đến các thị trường có tiêu chuẩn cao (Mỹ, Nhật, EU...)   | 3          |           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>100</b> | <b>58</b> |

## 2. Mô tả, chứng minh kết quả tự đánh giá, phân hạng

### 2.1. Bản mô tả kết quả tự đánh giá

Bản mô tả kết quả tự đánh giá, phân hạng sản phẩm Gạo nếp Mèng Thương, cụ thể bảng sau:

| STT |     | Chỉ tiêu đánh giá                                   | Tên hồ sơ minh chứng (Mô tả)              |
|-----|-----|---|---|
| I   | Mục |   |   |
| 1   |     | Phiếu đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm | Biểu mẫu số 01 theo Quyết định 148/QĐ-TTg |
| 2   |     | Báo cáo tự đánh giá về sản phẩm                     | Biểu mẫu số 02 theo Quyết định 148/QĐ-TTg |

| STT |          | Chỉ tiêu đánh giá                                    | Tên hồ sơ minh chứng (Mô tả)   |
|-----|----------|--|--|
| I   | Mục      |  |  |
| 3   |          | Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã                     | Biểu mẫu số 03 theo Quyết định 148/QĐ-TTg  |
| 4   |          | Giấy phép đăng ký kinh doanh                         | Bản sao công chứng giấy phép đăng ký kinh doanh  |
| 5   |          | Giấy đủ điều kiện sản xuất                           | Bản sao công chứng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm  |
|     | <b>1</b> | <b>TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>                              |  |
| 1   | a)       | Nguồn gốc sản phẩm                                   | - 100% nguyên liệu có nguồn gốc địa phương (trong tỉnh)<br>- Có xác nhận UBND xã về nguồn gốc nguyên liệu  |
| 2   | b)       | Gia tăng giá trị                                     | - Sơ đồ quy trình sản xuất tại phụ lục 2 của Hồ sơ công bố chất lượng  |
| 3   | c)       | Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu phân phối          | - Nội dung xác nhận quy mô theo đánh giá cấp xã tại biểu số 3  |
| 4   | d)       | Liên kết chuỗi trong sản xuất                        | - 06 Hợp đồng liên kết mua nguyên liệu và biên bản bảo giao  |
| 5   | đ)       | Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất           | - Có giấy đăng ký bảo vệ môi trường  |
| 6   | e)       | Sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất | - Không sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất   |
|     | <b>2</b> | <b>PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM</b>                           |  |
|     | a)       | Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm                           | - Biểu mẫu số 03 báo cáo đánh giá UBND xã, phần II, mục 3<br>- Sản phẩm là sản phẩm đặc trưng của tỉnh, có hương vị, chất lượng đặc trưng<br>- Hình ảnh bao bì, bao bì thực tế<br>- Bao bì sáng tạo, đẹp, tiện lợi người dùng, thân thiện môi trường |
|     | b)       | Đóng gói, bao bì sản phẩm                            | Có bao bì đóng gói hoàn chỉnh  |
|     | c)       | Phong cách, ghi nhãn hàng hóa                        | Nội dung ghi nhãn đầy đủ, phù hợp quy định, thể hiện được thông điệp/câu chuyện sản phẩm, có mã truy xuất nguồn gốc (mã vạch, Qr-Code)   |
|     | <b>3</b> | <b>SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG</b>                            |  |

| STT |               | Chỉ tiêu đánh giá  | Tên hồ sơ minh chứng (Mô tả)  |
|-----|---------------|--|---|
| I   | Mục           |  |   |
|     | a)            | Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh                        | Tổ hợp tác  |
|     | b)            | Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số |   |
|     | c)            | Sử dụng lao động địa phương                                    | - Biểu mẫu số 03 đánh giá của UBND cấp xã, phần II, mục 2<br>- Xác nhận cấp xã và danh sách thành viên và danh sách lao động của hộ kinh doanh<br>- Có sử dụng trên 75% là lao động trong địa bàn cấp huyện |
|     | d)            | Tăng trưởng sản xuất kinh doanh                                | Không có báo cáo tài chính  |
|     | đ)            | Kế toán  | - Có Hợp đồng lao động Kế toán<br>- Có bản sao bằng cấp kế toán trưởng  |
|     | e)            | Sở hữu trí tuệ   | Có giấy tiếp nhận đăng ký sở hữu trí tuệ số 4-2024-19230 ngày 6/5/2024  |
|     | <b>Phần B</b> | <b>KHẢ NĂNG TIẾP THỊ</b>                                       |   |
|     | <b>4</b>      | <b>TIẾP THỊ</b>  |   |
|     | a)            | Khu vực phân phối chính  | - Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ngoài huyện (05 hợp đồng)  |
|     | b)            | Tổ chức phân phối  | - Có 01 nhân viên phụ trách phân phối kinh doanh<br>- 01 Hợp đồng lao động nhân viên kinh doanh   |
|     | c)            | Quảng bá sản phẩm  | - Hình ảnh hoạt động quảng bá website, tiktok, zalo, xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh  |
|     | <b>5</b>      | <b>CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>                                  |   |
|     | a)            | Câu chuyện về sản phẩm   | Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   |
|     | b)            | Trí tuệ/bản sắc địa phương                                     | Có câu chuyện riêng, gắn với nguồn gốc xuất xứ  |
|     | c)            | Cấu trúc câu chuyện  | Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm  |
|     | <b>Phần</b>   | <b>CHẤT LƯỢNG SẢN</b>  |   |

| STT |           | Chỉ tiêu đánh giá   | Tên hồ sơ minh chứng (Mô tả)  |
|-----|-----------|---|---|
| I   | Mục       |   |   |
|     | <b>C</b>  | <b>PHẨM</b>   |   |
|     | <b>6</b>  | <b>CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>  |   |
|     | a)        | Tạp chất  | Có rất ít tạp chất, chấp nhận được  |
|     | b)        | Hình dạng, thể chất   | Tương đối đồng đều  |
|     | c)        | Màu sắc   | Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm  |
|     | d)        | Mùi   | Có mùi/vị phù hợp với đặc tính sản phẩm   |
|     | đ)        | Vị  | Phù hợp với đặc trưng của sản phẩm, hấp dẫn   |
|     | <b>7</b>  | <b>TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>   | Có tính đặc trưng   |
|     | <b>8</b>  | <b>CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, KIỂM TRA ĐỊNH KỲ</b>                                    |   |
|     | a)        | Công bố tiêu chuẩn sản phẩm của cơ sở sản xuất  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bản tự công bố sản phẩm mẫu 01, NĐ 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.</li> <li>- Có bản tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), theo Điều 23, Luật chất lượng sản phẩm hàng hoá; Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, Thông tư số 29/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN.</li> </ul> |
|     | b)        | Kiểm tra định kỳ các chỉ tiêu ATTP theo quy định  | Có, đạt đầy đủ  |
|     | <b>10</b> | <b>ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hồ sơ lô, kế hoạch kiểm soát nội bộ gắn với truy xuất nguồn gốc theo quy định</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất</li> </ul>   |
|     | <b>11</b> | <b>HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐỂ ĐẢM BẢO SẢN PHẨM CÓ CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hướng dẫn sử dụng sản phẩm đơn giản</li> </ul>  |

| STT |     | Chỉ tiêu đánh giá                 | Tên hồ sơ minh chứng (Mô tả)   |
|-----|-----|-----------------------------------|--|
| I   | Mục |                                   |  |
|     | 12  | <b>CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU</b> | Có cơ hội thị trường xuất khẩu<br>Biểu mẫu số 02, phương án kinh doanh |

## 2.2. Tài liệu minh chứng kèm theo

Bảng tài liệu minh chứng kèm theo báo cáo:

| TT | Nội dung   | Ghi chú    |
|----|--|------------|
| 1  | Giấy đăng ký kinh doanh  | Phụ lục 01 |
| 2  | Giấy đủ điều kiện sản xuất   | Phụ lục 02 |
| 3  | Nguồn gốc nguyên liệu  | Phụ lục 03 |
| 4  | Công bố chất lượng sản phẩm  | Phụ lục 04 |
| 5  | Phiếu kết quả kiểm tra chỉ tiêu ATTP theo tiêu chuẩn                             | Phụ lục 05 |
| 6  | Mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc   | Phụ lục 06 |
| 7  | Sở hữu trí tuệ   | Phụ lục 07 |
| 8  | Bảo vệ môi trường  | Phụ lục 08 |
| 9  | Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, kiểm soát chất lượng                      | Phụ lục 09 |
| 10 | Kế toán  | Phụ lục 10 |
| 11 | Phát triển thị trường, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại                   | Phụ lục 11 |
| 12 | Câu chuyện sản phẩm  | Phụ lục 12 |
| 13 | Kế hoạch kiểm soát nội bộ  | Phụ lục 13 |
| 14 | Giải thưởng của sản phẩm, bình chọn của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế | Phụ lục 14 |

**Ghi chú:** Chi tiết tại phụ lục hồ sơ minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá này

**PHẦN IV**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**1. Hoạt động sản xuất**

a) Nguyên liệu (Trồng, chăn nuôi, chế biến, khác,...)

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS
- Phương thức: hợp đồng liên kết
- Quy mô

| TT | Tên nguyên liệu | Quy mô | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------|--------|---------------------|
| 1  | Thóc (Tấn)      | 300    | 2024 - 2026         |

b) Sản xuất

- Diện tích nhà xưởng: 100 m<sup>2</sup>
- Tiêu chuẩn, công nghệ áp dụng: TCCS
- Quy mô:

| TT | Tên sản phẩm              | Quy mô | Thời gian thực hiện |
|----|---------------------------|--------|---------------------|
| 1  | Gạo nếp mèng Thương (Tấn) | 240    | 2024 - 2026         |

**II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**2. Phân phối/bán hàng**

a) Bán hàng tại chỗ

- Gian hàng giới thiệu sản phẩm: diện tích 20 m<sup>2</sup>
- Sản phẩm giới thiệu và bán: sản phẩm Gạo nếp Mèng Thương do tổ hợp tác sản xuất.
- Nhân lực thực hiện: 01

b) Liên kết các đại lý phân phối (ghi rõ tên tỉnh và số lượng đã có hoặc dự kiến)

- Các đại lý trong tỉnh: Hợp tác xã liên kết lâu dài với ít nhất 5 đại lý trong tỉnh, đặt hàng giới thiệu tại các cửa hàng trong và ngoài huyện.
- Các đại lý ngoài tỉnh: Mục tiêu phân phối sản phẩm tới các đô thị đông dân cư, nhu cầu mua sắm cao như Đà Nẵng, Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hà Nội thông qua kênh tìm kiếm khách hàng online và các hội chợ OCOP trên toàn quốc. Đến năm 2026, tổ hợp tác phấn đấu đưa được sản phẩm vào thị trường của 2 thành phố lớn trên địa bàn toàn quốc.

c) Bán hàng qua mạng

- Xây dựng kênh bán hàng: Duy trì tập kiếm đầu tiên trên các công cụ tìm kiếm Google và mạng xã hội Facebook. Xây các kênh truyền thông khác: Youtube, Ticktok,...

- Nhân lực: 01

d) Chính sách giá (giá bán tính trên đơn vị sản phẩm, dịch vụ)

- Giá lẻ: 30.000 đồng/kg

- Giá sỉ: Chiết khấu theo số lượng lấy hàng.

### III. KẾ HOẠCH MARKETING - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Kế hoạch xúc tiến thương mại

- Kế hoạch tiếp thị được thực hiện tại các thị trường:

- Kế hoạch triển khai:

| TT | Nội dung           | Địa điểm        | Người thực hiện                 | Thời gian  |
|----|--------------------|-----------------|---------------------------------|------------|
| 1  | Hội thảo           | Xã, huyện, tỉnh | Tổ trưởng                       | 2024 -2026 |
| 2  | Hội chợ, triển lãm | Huyện, tỉnh     | Tổ trưởng, nhân viên kinh doanh | 2024 -2026 |
| 3  | Tờ rơi             | Điểm giới thiệu | Nhân viên kinh doanh            | 2024 -2026 |
| 4  | Khuyến mại         | Đại lý          | Nhân viên kinh doanh            | 2024 -2026 |
| 5  | Đăng báo           | Lạng Sơn        | Tổ trưởng                       | 2024 -2026 |
| 6  | Truyền thanh       | Lạng Sơn        | Tổ trưởng                       | 2024 -2026 |
| 7  | Truyền hình        | Lạng Sơn        | Tổ trưởng                       | 2024 -2026 |

### 2. Kế hoạch Marketing

- Tiếp tục nghiên cứu thị trường: Được thực hiện lồng ghép với hoạt động kinh doanh, phân phối nhằm xác định nhu cầu thị trường

+ Tìm kiếm, phân tích về thị trường gạo nếp, bao gồm xu hướng tiêu dùng, yêu cầu của người tiêu dùng và các thương hiệu đã có mặt trên thị trường.

+ Phân tích cạnh tranh và đánh giá vị thế cạnh tranh của các thương gạo nếp hiện tại.

+ Sử dụng phương pháp phân tích, thống kê, khảo sát đánh giá ở từng phạm vi tiêu biểu

- Phân khúc thị trường: Xác định phân khúc khách hàng cá nhân, doanh

ngành/hợp tác xã có thể tiếp cận hoặc có thể mạnh.

+ Người tiêu dùng cá nhân: Đây là phân khúc hàng khách chính trong lĩnh vực gạo nếp Mèng Thương. Người tiêu dùng cá nhân đang tìm kiếm các sản phẩm gạo nếp để thưởng thức trong thời gian dài. Họ có thể quan tâm đến các yếu tố như chất lượng, nguồn gốc, giá trị dinh dưỡng và hương vị tự nhiên của gạo nếp Mèng Thương.

+ Các nhà hàng và quán ăn: Đối với các doanh nghiệp trong ngành ẩm thực, gạo nếp Mèng Thương có thể là một lựa chọn hấp dẫn để sử dụng trong các món ăn chính, trong các bữa cỗ hoặc để trang trí.

+ Các đại lý, chuỗi siêu thị và cửa hàng bán lẻ: Các chuỗi siêu thị và cửa hàng bán lẻ gạo có thể là một kênh phân phối quan trọng để đưa gạo nếp Mèng Thương đến tay người tiêu dùng. Cung cấp sản phẩm cho các cửa hàng bán lẻ có thể mở ra cơ hội tiếp cận số lượng lớn khách hàng và tăng khả năng tiếp cận thị trường rộng hơn.

+ Kênh bán hàng trực tuyến: Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, kênh bán hàng trực tuyến là một cách tiếp cận tiềm năng để đưa gạo nếp Mèng Thương đến người tiêu dùng. Xây dựng một trang web bán hàng trực tuyến hoặc sử dụng các nền tảng thương mại điện tử có thể giúp mở rộng

- Định vị thị trường: Xác định thị trường chủ lực, chiến lược thị trường

+ Với nguồn nhân lực còn hạn chế về nhiều mặt, tổ hợp tác xác định hướng đến các đại lý, chuỗi cửa hàng, siêu thị. Mô hình triển khai này là phù hợp với tình hình thực tế tại tổ hợp tác, giúp hợp tác tiết kiệm nhân lực, tập trung hoàn thiện bộ máy, quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra.

- Kế hoạch thực hiện: tổ hợp tác đề ra các phương hướng phát triển trong thời gian tới như sau:

+ Nghiên cứu thị trường

+ Xác định mục tiêu và xây dựng chiến lược sản phẩm

+ Phát triển kênh phân phối, tiếp cận và xây dựng mối quan hệ khách hàng

+ Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến sản phẩm phù hợp

+ Xây dựng chiến lược Marketing

+ Đánh giá, đo lường, báo cáo

- Kiểm soát quá trình thực hiện:

+ Lập kế hoạch chi tiết: Xác định các bước cụ thể cần thực hiện, đặt ra mục tiêu và lập lịch trình thời gian cho từng giai đoạn của kế hoạch. Đảm bảo rằng kế hoạch được tổ chức và có tính khả thi.

+ Phân công nhiệm vụ: Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong tổ hợp tác. Phân công nhiệm vụ cụ thể và đảm bảo sự hiểu rõ về mục tiêu và tiến độ của từng thành viên.

+ Theo dõi tiến độ: Thiết lập hệ thống theo dõi tiến độ để kiểm soát quá

trình thực hiện. Sử dụng công cụ như bảng biểu, lịch làm việc và báo cáo tiến độ để theo dõi và so sánh tiến trình thực hiện với kế hoạch ban đầu.

+ Định rõ tiêu chí đánh giá: Xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả của quá trình nghiên cứu thị trường, bao gồm doanh số bán hàng, thị phần, phản hồi từ khách hàng, độ hài lòng và các chỉ số khác liên quan đến mục tiêu của bạn.

+ Kiểm tra chất lượng dữ liệu: Đảm bảo các dữ liệu nghiên cứu thị trường thu thập được chính xác và đáng tin cậy. Áp dụng các quy trình kiểm soát chất lượng để kiểm tra và xác nhận tính chính xác của dữ liệu thu thập.

+ Đánh giá kết quả: Định kỳ đánh giá kết quả của quá trình nghiên cứu thị trường và so sánh với các tiêu chí đánh giá đã đặt ra. Phân tích kết quả để hiểu rõ những thành công và thách thức trong quá trình thực hiện.

+ Điều chỉnh và cải tiến: Dựa trên phản hồi và kết quả đánh giá, điều chỉnh kế hoạch nghiên cứu thị trường và thực hiện các cải tiến cần thiết. Tạo ra các biện pháp khắc phục và điều chỉnh để cải thiện hiệu quả và đạt được

## VI. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, BỐ TRÍ NHÂN LỰC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

### 1. Cơ sở hạ tầng (điều chỉnh cho phù hợp điều kiện thực tế)

| TT  | Tên công trình           | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Tổng mức xây dựng |
|-----|--------------------------|-------------|------------|-----------|-------------------|
| 1   | Văn phòng làm việc       | m2          | 20         | 1.500.000 | 30.000.000        |
| 2   | Nhà xưởng                |             | 1          |           |                   |
| 2.1 | Xưởng chế biến           | m2          | 30         | 1.500.000 | 45.000.000        |
| 2.2 | Sân phơi khô             | m2          | 50         | 2.000.000 | 100.000.000       |
| 2.3 | Nhà kho                  | m2          | 15         | 1.000.000 | 15.000.000        |
| 3   | Khác                     |             |            |           | -                 |
| 3.1 | Hệ thống điện            |             | 1          | 5.000.000 | 5.000.000         |
| 3.2 | Hệ thống cấp nước        |             | 1          | 3.000.000 | 3.000.000         |
| 3.3 | Hệ thống xử lý chất thải |             | 1          | 5.000.000 | 5.000.000         |
|     | <b>Tổng</b>              |             |            |           | 203.000.000       |
|     | Khấu hao 1 năm           | năm         | 10         |           | 20.000.000        |

### 2. Máy móc, trang thiết bị

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----|-----------------------|-------------|----------|---------|------------|
|----|-----------------------|-------------|----------|---------|------------|

|   |                   |     |   |            |            |
|---|-------------------|-----|---|------------|------------|
| 1 | Máy tuốt          | Cái | 1 | 30.000.000 | 19.000.000 |
| 2 | Máy xay xát       | cái | 1 | 5.000.000  | 10.000.000 |
| 3 | Cối xát trắng gạo | cái | 1 | 8.500.000  | 8.500.000  |
|   | Tổng              |     |   |            | 37.500.000 |
|   | Khấu hao tài sản  |     |   |            | 2.500.000  |

### 3. Nhân lực (điều chỉnh cho phù hợp điều kiện thực tế)

| TT | Chức danh            | Mô tả công việc  | Số lượng |
|----|----------------------|--|----------|
| 1  | Tổ trưởng            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là người điều hành hoạt động của tổ hợp tác.</li> <li>- Tổ trưởng THT có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:               <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh của THT.</li> <li>b) Thực hiện quyết định của THT.</li> <li>c) Ký kết hợp đồng nhân danh THT.</li> <li>d) Tuyển dụng lao động theo yêu cầu công việc.</li> <li>e) Tìm kiếm đối tác, khách hàng, đại lý phân phối.</li> </ul> </li> </ul> | 1        |
| 2  | Nhân viên kế toán    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nghiệp vụ kế toán. Tổng hợp, ghi chép, tính toán tình hình tài chính hàng ngày; báo cáo, tổng kết tình hình tài chính theo tháng/quý/năm.</li> </ul>  | 1        |
| 3  | Nhân viên kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công việc chăm sóc khách hàng; trực tiếp bán hàng, quảng bá và tiếp thị sản phẩm; tìm kiếm mở rộng thị trường.</li> <li>- Tìm kiếm đối tác, khách hàng, đại lý phân phối</li> <li>- Quản lý nhân sự trong phòng, phân phối công việc hợp lý</li> <li>- Báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng, hàng quý, hàng năm</li> </ul>   | 1        |
| 4  | Phòng Sản xuất       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công việc sản xuất các sản phẩm của THT.</li> <li>- Phụ trách trông coi, đảm bảo tài sản vật chất của THT.</li> <li>- Vận hành, quản lý hệ thống điện, nước, chất thải.</li> </ul>  | 2        |
|    | Tổng cộng            |  | 5        |

### 4. Các điều kiện khác

a) Khoa học công nghệ

- Hợp tác với đối tác chuyển giao quy trình công nghệ (đã hợp tác hoặc dự kiến):

- Hợp tác với đối tác tư vấn phát triển doanh nghiệp (đã hợp tác hoặc dự kiến):

b) Liên kết (đối tác cung cấp nguyên liệu hoặc hợp tác sản xuất, kinh doanh)

Hoàng Việt, ngày 30 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Về việc đánh giá một số nội dung của**  
**Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**

1. Tên chủ thể: Tổ Hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt
2. Loại hình tổ chức: Tổ Hợp tác
3. Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
4. Điện thoại: 0399500765
5. Tên người đại diện pháp luật:
  - Họ tên: Phùng Văn Dạ i- Tổ trưởng tổ hợp tác
  - Giới tính: Nam Dân tộc: Nùng
  - Địa chỉ thường trú: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
6. Sản phẩm đăng ký đánh giá: Gạo nếp mềng thương

**II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**

1. Về sử dụng nguyên liệu địa phương: Sản phẩm Gạo nếp mềng thương được chế biến từ cây lúa nếp mềng thương có nguồn gốc 100% ở địa phương. Nguồn nguyên liệu được trồng tại địa phương (trong tỉnh), sản lượng tiêu thụ hàng năm là 100 tấn. THT có giấy xác nhận nguyên liệu, có xác nhận của UBND xã
2. Về sử dụng lao động địa phương: 100% lao động của THT là người địa phương, có xác nhận UBND xã..
3. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm: Sản phẩm Gạo nếp mềng thương là sản phẩm được sản xuất từ giống gạo nếp mềng thương đặc trưng của địa phương, huyện, tỉnh, được kết hợp từ kinh nghiệm truyền thống và quy trình hiện đại.
4. Bản sắc/trí tuệ địa phương: Có câu chuyện sản phẩm đặc sắc, mang sắc thái truyền thống, văn hóa và bản sắc địa phương, được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn, tờ rơi và website.

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Việt đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng, các cấp đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm Gạo nếp mềng thương của Tổ Hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Au Hồng Ngân**

## **PHẦN 2**

---

### **TÀI LIỆU MINH CHỨNG KÈM THEO**

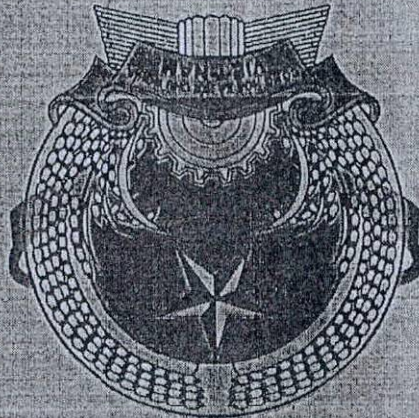
- 1. Giấy phép kinh doanh**
- 2. Giấy đủ điều kiện sản xuất**
- 3. Nguồn gốc nguyên liệu**
- 4. Công bố chất lượng sản phẩm**
- 5. Phiếu kết quả kiểm tra chỉ tiêu ATTP**
- 6. Mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc**
- 7. Sở hữu trí tuệ**
- 8. Bảo vệ môi trường**
- 9. Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, kiểm soát chất lượng**
- 10. Kế toán**
- 11. Phát triển thị trường, hoạt động quảng bá xúc tiến thương mại**
- 12. Câu chuyện sản phẩm**
- 13. Kế hoạch kiểm soát nội bộ**

# **PHỤ LỤC 1**

---

**Giấy đăng ký kinh doanh**

**ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**





THO CHU TICH

M. O BAN NH... X... X... X...

Ngày 04/11/2023

HAM SAO BUNG VOI BAN CHINH

Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu P. Bình, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Khu P. Bình, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Ngày cấp: 05/04/2021

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân: 020072000352

Sinh ngày: 10/12/1972

Định tộc: Nùng

Giới tính: Nam

Họ và tên: PHÙNG VĂN ĐẠI



6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bảng chủ): Một trăm triệu đồng

Vốn kinh doanh (Bảng số): 100.000.000 đồng

4. Vốn kinh doanh:

|     |   |            |
|-----|---|------------|
| STT | Tên ngành                                     | Ma ngành   |
| 1   | Trong nhà                                     | 014        |
| 2   | Trong ngoài và đầy trong cùng có hat khác     | 017        |
| 3   | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bơ mỳ | 463 (Gmnh) |

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Email:

Điện thoại: 0399500765

Làng Sơn, Việt Nam

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Khu P. Bình, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

1. Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH PHÙNG VĂN ĐẠI

Bảng kê lần đầu ngày 30 tháng 1 năm 2023

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 14C8003249

Mã số hộ kinh doanh: 8712214447-001

GIẤY CHUNG NHẬN BẢNG KÊ HỘ KINH DOANH

UBND HUYỆN VĂN LÂM PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## HỘ KINH DOANH CẦN BIẾT

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

2. Hộ kinh doanh thường xuyên sử dụng từ mười lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 điều 212 Luật Doanh nghiệp.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp cho hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

4. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh do người thành lập hộ kinh doanh tự khai và tự chịu trách nhiệm.

5. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

- a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo.
- b) Không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- c) Ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký.
- d) Kinh doanh ngành, nghề bị cấm.
- đ) Hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thành lập.
- e) Không báo cáo về tình hình kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định.

# **PHỤ LỤC 2**

---

**Giấy đủ điều kiện sản xuất**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN VĂN LĂNG  
CHỨNG NHẬN

Cơ sở sản xuất: **Tổ hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt**

Mã số: 8712214447-001

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0399500765

Email:

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm  
trong sản xuất kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm:**

- Trồng lúa, trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

Số cấp: 03/2023/NNPTNT-HVL

Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Văn Lăng, ngày 19 tháng 12 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Anh Tú

# **PHỤ LỤC 3**

## **NGUỒN GỐC NGUYÊN LIỆU, LIÊN KẾT CHUỖI**

**TỔ HỢP TÁC LÚA  
HOÀNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Văn Lãng, ngày 20 tháng 9 năm 2023

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**Về việc xác nhận tỷ lệ sử dụng nguyên liệu địa phương**

**Kính gửi:** UBND xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị đề nghị: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

Người đại diện: Phùng Văn Đại – Tổ trưởng

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0399.500.765

Năm 2023, Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt đăng ký tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Theo quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (tại Điểm a, Mục 1, Phụ lục II) “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) tổ chức đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP, bao gồm các tiêu chí sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc/trí tuệ địa phương. Căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về các tiêu chí trên.”

Vì vậy, chúng tôi làm giấy xác nhận này nhằm mục đích xác nhận nguồn gốc nguyên liệu của sản phẩm gạo nếp Mèng Thương do THT lúa Hoàng Việt sản xuất có nguồn gốc từ gạo nếp, được trồng tại địa phương (trong xã), diện tích vùng trồng khoảng 20 ha, khối lượng tiêu thụ hàng năm ước đạt 100 tấn/năm để làm tài liệu minh chứng tham gia Chương trình OCOP và cam kết không sử dụng xác nhận này vì mục đích khác.

Kính đề nghị UBND xã xác nhận thông tin như trên là đúng sự thật./.

**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN**

**ĐỊA PHƯƠNG**  
**CHỦ TỊCH**



**Âu Hồng Ngân**

**ĐẠI DIỆN TỔ HỢP TÁC**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Phùng Văn Đại**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẠO NẾP MÈNG THƯƠNG**  
Số: 01/2023 /HĐLK SX

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Xã Hoàng Việt, hai bên gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HÀNG VIỆT**

Đại diện: Ông **Phùng Văn Đại** Chức vụ: **Tổ trưởng Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt**

Địa chỉ : Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại : 0399500765

Mã số thuế:

**BÊN B: ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ NÔNG DÂN**

Do ông/bà: Hà Văn Du

Địa chỉ: Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại:

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên A cam kết tiêu thụ hàng hóa của bên B, cụ thể như sau:

- Tên hàng hóa: Gạo nếp Mèng Thương

- Thời gian: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Khu vực thu hoạch: Xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng

- Sản lượng dự kiến: 5 tấn/năm

2. Tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm:

Bên B phải đảm bảo cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng yêu cầu như sau:

- Chất lượng: Theo TCCS bên A

- Bao bì đóng gói: Không.

**Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận**

1. Thời gian giao nhận:

Hai bên thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên A thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên B trước thời gian thu hoạch ít nhất 01 ngày. Thời gian giao nhận hàng hóa sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình tại thời điểm thu hoạch thực tế.

2. Địa điểm giao, nhận hàng:

- Tại trụ sở tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đóng hàng, bốc xếp, vận chuyển: Do bên B chịu trách nhiệm.

4. Thủ tục giao nhận hàng hóa: Bên giao hàng và bên nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng. Biên bản giao nhận hàng hóa phải có chữ ký của họ tên người giao và nhận của hai bên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán**

1. Giá thu mua: Bên B cam kết thu hoạch gạo nếp Mèng Thương đáp ứng theo TCCS bên A, bên A cam kết mua sản phẩm với giá cao hơn 10% so với giá thị trường.

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị lô hàng cho bên B trong thời hạn không quá 03 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao.

### **Điều 4. Rủi ro bất khả kháng**

Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu xuất hiện rủi ro bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của UBND địa phương nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của bên A**

- Bên A có trách nhiệm thực hiện bao tiêu sản phẩm cho bên B đúng với thời gian hợp đồng.

- Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hóa không phù hợp với quy định của hợp đồng.

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa theo đúng quy cách, phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A.

### **Điều 6. Trách nhiệm của bên B**

- Bên B phải tuân thủ các quy trình chăn nuôi, chăm sóc, thu hoạch theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông sản.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng quy cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A không đến nhận hàng đúng lịch đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản sản phẩm và bồi thường thiệt hại giá trị chất lượng hàng hóa giảm sút.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu tại thời điểm giao hàng, bên B không có đủ hàng giao để bên A làm lễ kế hoạch sản xuất và lễ phương tiện vận chuyển thì bên B phải bồi hoàn khoản thiệt hại vật chất gây ra (bồi thường do hai bên thỏa thuận).

3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong Hợp đồng.

**Điều 9. Điều khoản chung**

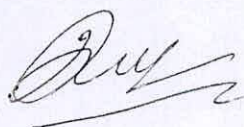
1. Trong trường hợp có phát sinh trong Hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thông nhất giải quyết. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng.

3. Trường hợp hai bên muốn kết thúc Hợp đồng thì thực hiện ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

4. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Hà Văn Du**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẠO NẾP MÈNG THƯƠNG**  
Số:02/2023 /HĐLK SX

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2023, tại Xã Hoàng Việt, hai bên gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HÀNG VIỆT**

Đại diện: Ông **Phùng Văn Đại** Chức vụ: **Tổ trưởng Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt**

Địa chỉ : Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại : 0399500765

Mã số thuế:

**BÊN B: ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ NÔNG DÂN**

Do ông/bà: **Lãng Chí Thanh**

Địa chỉ: Thôn Nà Mạt, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại:

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên A cam kết tiêu thụ hàng hóa của bên B, cụ thể như sau:

- Tên hàng hóa: Gạo nếp Mèng Thương

- Thời gian: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Khu vực thu hoạch: Xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng

- Sản lượng dự kiến: 7 tấn/năm

2. Tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm:

Bên B phải đảm bảo cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng yêu cầu như sau:

- Chất lượng: Theo TCCS bên A

- Bao bì đóng gói: Không.

**Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận**

1. Thời gian giao nhận:

Hai bên thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên A thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên B trước thời gian thu hoạch ít nhất 01 ngày. Thời gian giao nhận hàng hóa sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình tại thời điểm thu hoạch thực tế.

2. Địa điểm giao, nhận hàng:

- Tại trụ sở tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đóng hàng, bốc xếp, vận chuyển: Do bên B chịu trách nhiệm.

4. Thủ tục giao nhận hàng hóa: Bên giao hàng và bên nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng. Biên bản giao nhận hàng hóa phải có chữ ký của họ tên người giao và nhận của hai bên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán**

1. Giá thu mua: Bên B cam kết thu hoạch gạo nếp Mèng Thương đáp ứng theo TCCS bên A, bên A cam kết mua sản phẩm với giá cao hơn 10% so với giá thị trường.

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị lô hàng cho bên B trong thời hạn không quá 03 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao.

### **Điều 4. Rủi ro bất khả kháng**

Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu xuất hiện rủi ro bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của UBND địa phương nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của bên A**

- Bên A có trách nhiệm thực hiện bao tiêu sản phẩm cho bên B đúng với thời gian hợp đồng.

- Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hóa không phù hợp với quy định của hợp đồng.

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa theo đúng quy cách, phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A.

### **Điều 6. Trách nhiệm của bên B**

- Bên B phải tuân thủ các quy trình chăn nuôi, chăm sóc, thu hoạch theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông sản.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng quy cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A không đến nhận hàng đúng lịch đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản sản phẩm và bồi thường thiệt hại giá trị chất lượng hàng hóa giảm sút.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu tại thời điểm giao hàng, bên B không có đủ hàng giao để bên A làm lỡ kế hoạch sản xuất và lỡ phương tiện vận chuyển thì bên B phải bồi hoàn khoản thiệt hại vật chất gây ra (bồi thường do hai bên thỏa thuận).

3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong Hợp đồng.

**Điều 9. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong Hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thông nhất giải quyết. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng nhau bàn bạc thông nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng.

3. Trường hợp hai bên muốn kết thúc Hợp đồng thì thực hiện ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

4. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Lăng Chí Thanh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẠO NẾP MÈNG THƯƠNG**  
Số:03/2023 /HĐLK SX

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2023, tại Xã Hoàng Việt, hai bên gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HÀNG VIỆT**

Đại diện: Ông Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

Địa chỉ : Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại : 0399500765

Mã số thuế:

**BÊN B: ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ NÔNG DÂN**

Do ông/bà: Hoàng Thanh Tuấn

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại:

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên A cam kết tiêu thụ hàng hóa của bên B, cụ thể như sau:

- Tên hàng hóa: Gạo nếp Mèng Thương

- Thời gian: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Khu vực thu hoạch: Xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng

- Sản lượng dự kiến: 7 tấn/năm

2. Tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm:

Bên B phải đảm bảo cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng yêu cầu như sau:

- Chất lượng: Theo TCCS bên A

- Bao bì đóng gói: Không.

**Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận**

1. Thời gian giao nhận:

Hai bên thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên A thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên B trước thời gian thu hoạch ít nhất 01 ngày. Thời gian giao nhận hàng hóa sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình tại thời điểm thu hoạch thực tế.

2. Địa điểm giao, nhận hàng:

- Tại trụ sở tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đóng hàng, bốc xếp, vận chuyển: Do bên B chịu trách nhiệm.

4. Thủ tục giao nhận hàng hóa: Bên giao hàng và bên nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng. Biên bản giao nhận hàng hóa phải có chữ ký của họ tên người giao và nhận của hai bên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán**

1. Giá thu mua: Bên B cam kết thu hoạch gạo nếp Mèng Thương đáp ứng theo TCCS bên A, bên A cam kết mua sản phẩm với giá cao hơn 10% so với giá thị trường.

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị lô hàng cho bên B trong thời hạn không quá 03 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao.

### **Điều 4. Rủi ro bất khả kháng**

Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu xuất hiện rủi ro bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của UBND địa phương nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của bên A**

- Bên A có trách nhiệm thực hiện bao tiêu sản phẩm cho bên B đúng với thời gian hợp đồng.

- Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hóa không phù hợp với quy định của hợp đồng.

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa theo đúng quy cách, phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A.

### **Điều 6. Trách nhiệm của bên B**

- Bên B phải tuân thủ các quy trình chăn nuôi, chăm sóc, thu hoạch theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông sản.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng quy cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A không đến nhận hàng đúng lịch đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản sản phẩm và bồi thường thiệt hại giá trị chất lượng hàng hóa giảm sút.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu tại thời điểm giao hàng, bên B không có đủ hàng giao để bên A làm lễ kế hoạch sản xuất và lễ phương tiện vận chuyển thì bên B phải bồi hoàn khoản thiệt hại vật chất gây ra (bồi thường do hai bên thỏa thuận).

3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong Hợp đồng.

**Điều 9. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong Hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng.

3. Trường hợp hai bên muốn kết thúc Hợp đồng thì thực hiện ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

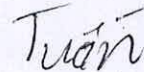
4. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Hoàng Thanh Tuấn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẠO NẾP MÈNG THƯƠNG**  
Số: 04/2023 /HĐLK SX

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2023, tại Xã Hoàng Việt, hai bên gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HÀNG VIỆT**

Đại diện: Ông Phùng Văn Đại Chức vụ: **Tổ trưởng Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt**

Địa chỉ : Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại : 0399500765

Mã số thuế:

**BÊN B: ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ NÔNG DÂN**

Do ông/bà: Nguyễn Đình Chung

Địa chỉ: Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại:

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên A cam kết tiêu thụ hàng hóa của bên B, cụ thể như sau:

- Tên hàng hóa: Gạo nếp Mèng Thương

- Thời gian: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Khu vực thu hoạch: Xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng

- Sản lượng dự kiến: 7 tấn/năm

2. Tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm:

Bên B phải đảm bảo cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng yêu cầu như sau:

- Chất lượng: Theo TCCS bên A

- Bao bì đóng gói: Không.

**Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận**

1. Thời gian giao nhận:

Hai bên thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên A thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên B trước thời gian thu hoạch ít nhất 01 ngày. Thời gian giao nhận hàng hóa sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình tại thời điểm thu hoạch thực tế.

2. Địa điểm giao, nhận hàng:

- Tại trụ sở tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đóng hàng, bốc xếp, vận chuyển: Do bên B chịu trách nhiệm.

4. Thủ tục giao nhận hàng hóa: Bên giao hàng và bên nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng. Biên bản giao nhận hàng hóa phải có chữ ký của họ tên người giao và nhận của hai bên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán**

1. Giá thu mua: Bên B cam kết thu hoạch gạo nếp Mèng Thương đáp ứng theo TCCS bên A, bên A cam kết mua sản phẩm với giá cao hơn 10% so với giá thị trường.

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị lô hàng cho bên B trong thời hạn không quá 03 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao.

### **Điều 4. Rủi ro bất khả kháng**

Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu xuất hiện rủi ro bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của UBND địa phương nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của bên A**

- Bên A có trách nhiệm thực hiện bao tiêu sản phẩm cho bên B đúng với thời gian hợp đồng.

- Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hóa không phù hợp với quy định của hợp đồng.

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa theo đúng quy cách, phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A.

### **Điều 6. Trách nhiệm của bên B**

- Bên B phải tuân thủ các quy trình chăn nuôi, chăm sóc, thu hoạch theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông sản.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng quy cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A không đến nhận hàng đúng lịch đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản sản phẩm và bồi thường thiệt hại giá trị chất lượng hàng hóa giảm sút.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu tại thời điểm giao hàng, bên B không có đủ hàng giao để bên A làm lơ kế hoạch sản xuất và lỡ phương tiện vận chuyển thì bên B phải bồi hoàn khoản thiệt hại vật chất gây ra (bồi thường do hai bên thỏa thuận).

3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong Hợp đồng.

**Điều 9. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong Hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thông nhất giải quyết. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng.

3. Trường hợp hai bên muốn kết thúc Hợp đồng thì thực hiện ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

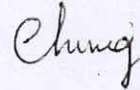
4. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Nguyễn Đình Chung**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẠO NẾP MÈNG THƯƠNG**  
Số: 05/2023 /HĐLK SX

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2023, tại Xã Hoàng Việt, hai bên gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HÀNG VIỆT**

Đại diện: Ông **Phùng Văn Đại** Chức vụ: **Tổ trưởng Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt**

Địa chỉ : Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại : 0399500765

Mã số thuế:

**BÊN B: ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ NÔNG DÂN**

Do ông/bà: Hà Thị Thanh Tuyết

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại:

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên A cam kết tiêu thụ hàng hóa của bên B, cụ thể như sau:

- Tên hàng hóa: Gạo nếp Mèng Thương

- Thời gian: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Khu vực thu hoạch: Xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng

- Sản lượng dự kiến: 7 tấn/năm

2. Tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm:

Bên B phải đảm bảo cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng yêu cầu như sau:

- Chất lượng: Theo TCCS bên A

- Bao bì đóng gói: Không.

**Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận**

1. Thời gian giao nhận:

Hai bên thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên A thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên B trước thời gian thu hoạch ít nhất 01 ngày. Thời gian giao nhận hàng hóa sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình tại thời điểm thu hoạch thực tế.

2. Địa điểm giao, nhận hàng:

- Tại trụ sở tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đóng hàng, bốc xếp, vận chuyển: Do bên B chịu trách nhiệm.

4. Thủ tục giao nhận hàng hóa: Bên giao hàng và bên nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng. Biên bản giao nhận hàng hóa phải có chữ ký của họ tên người giao và nhận của hai bên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán**

1. Giá thu mua: Bên B cam kết thu hoạch gạo nếp Mèng Thương đáp ứng theo TCCS bên A, bên A cam kết mua sản phẩm với giá cao hơn 10% so với giá thị trường.

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị lô hàng cho bên B trong thời hạn không quá 03 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao.

### **Điều 4. Rủi ro bất khả kháng**

Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu xuất hiện rủi ro bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của UBND địa phương nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của bên A**

- Bên A có trách nhiệm thực hiện bao tiêu sản phẩm cho bên B đúng với thời gian hợp đồng.

- Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hóa không phù hợp với quy định của hợp đồng.

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa theo đúng quy cách, phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A.

### **Điều 6. Trách nhiệm của bên B**

- Bên B phải tuân thủ các quy trình chăn nuôi, chăm sóc, thu hoạch theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông sản.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng quy cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A không đến nhận hàng đúng lịch đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản sản phẩm và bồi thường thiệt hại giá trị chất lượng hàng hóa giảm sút.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu tại thời điểm giao hàng, bên B không có đủ hàng giao để bên A làm lễ kế hoạch sản xuất và dỡ phương tiện vận chuyển thì bên B phải bồi hoàn khoản thiệt hại vật chất gây ra (bồi thường do hai bên thỏa thuận).

3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong Hợp đồng.

**Điều 9. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong Hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thông nhất giải quyết. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng nhau bàn bạc thông nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng.

3. Trường hợp hai bên muốn kết thúc Hợp đồng thì thực hiện ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

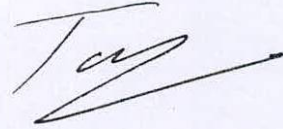
4. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Hoàng Thị Thanh Tuyết**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HOÀNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/QĐ-UBND

Hoàng Việt, ngày 10 tháng 01 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Thành lập Tổ hợp tác thực hiện trồng lúa theo tiêu chuẩn VietGap năm 2022 tại thôn Khun Pinh, Nà Mạt và Nà Phai

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 8/6/2022 của UBND huyện Văn Lãng Về việc phê duyệt Dự án “Mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap tại xã Hoàng Việt” sử dụng nguồn kinh phí đất trồng lúa năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Văn Lãng về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ theo Thông báo về việc thành lập Tổ hợp tác trồng lúa theo tiêu chuẩn Vietgap tại thôn Khun Pinh, Nà Mạt và Nà Phai tại xã Hoàng Việt.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ hợp tác thực hiện dự án “Mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn Vietgap” năm 2022 tại thôn Khun Pinh, Nà Mạt và Nà Phai xã Hoàng Việt.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ hợp tác có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của nhà nước và hướng dẫn của cấp trên về chăm sóc lúa theo quy định thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho cây lúa theo tiêu chuẩn VietGap.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND-UBND xã; Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt căn cứ Quyết định này thi hành ./.

Nơi nhận:

- UBND huyện; (B/c)
- ĐB – HĐND xã; (B/c)
- Như điều 3 (T/hiện)
- Lưu: VP.HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH



Ấu Hồng Ngân



## DANH SÁCH

Các hộ tham gia Tổ hợp tác sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã  
Hoàng Việt, huyện Văn Lãng năm 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND xã Hoàng Việt)

| TT | Họ và tên          | Giới tính | Chỗ ở hiện tại                |
|----|--------------------|-----------|-------------------------------|
| 1  | Hoàng Thị Kim      | Nữ        | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 2  | Hoàng Thị Soạn     | Nữ        | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 3  | Hoàng Anh Tuấn     | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 4  | Phùng Văn Đại      | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 5  | Đường Việt Do      | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 6  | Hà Thị Thanh Tuyết | Nữ        | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 7  | Sầm Văn Khánh      | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 8  | Trần Mạnh Cường    | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 9  | Trần Minh Huân     | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 10 | Hoàng Thế Việt     | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 11 | Phùng Văn Thọ      | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 12 | Phùng Văn Chiến    | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 13 | Trần Thị Hoạt      | Nữ        | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 14 | Phùng Văn Thái     | Nam       | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 15 | Hoàng Duy Diễn     | Nữ        | Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt |
| 16 | Nguyễn Thị Thiều   | Nữ        | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt   |
| 17 | Nguyễn Đình Chung  | Nam       | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt   |
| 18 | Nguyễn Đình Trường | Nam       | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt   |



|    |                    |     |                             |
|----|--------------------|-----|-----------------------------|
| 19 | Vy Trọng Ban       | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 20 | Nguyễn Đình Báo    | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 21 | Vy Đức Thịnh       | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 22 | Hoàng Xuân Quỳnh   | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 23 | Hoàng Thị Bé       | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 24 | Vy Đức Quỳnh       | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 25 | Vy Quang Điền      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 26 | Hoàng Đức Tuấn     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 27 | Vy Quang Dưỡng     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 28 | Hoàng Văn Thụ      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 29 | Vy Thị Hào         | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 30 | Nguyễn Đình Nguyên | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 31 | Hoàng Văn Giang    | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 32 | Hoàng Văn Dũng     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 33 | Hoàng Thị Loan     | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 34 | Hoàng Văn Tuấn     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 35 | Hoàng Thị Mai      | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 36 | Nguyễn Thị Oánh    | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 37 | Hoàng Văn Kên      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 38 | Nguyễn Đình Quân   | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 39 | Hà Văn Tám         | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 40 | Hà Văn Du          | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 41 | Nông Văn Cường     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 42 | Đàm Thị Thu        | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 43 | Đàm Văn Thanh      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |

|    |                   |     |                             |
|----|-------------------|-----|-----------------------------|
| 44 | Hoàng Đức Tinh    | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 45 | Nguyễn Hồng Long  | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 46 | Đàm Thị Bình      | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 47 | Vy Đức Nghị       | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 48 | Hà Việt Phương    | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 49 | Nguyễn Đình Tứ    | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 50 | Nguyễn Đình Bình  | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 51 | Nguyễn Đình Bạo   | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 52 | Nguyễn Đình Lâm   | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 53 | Lương Thế Thoại   | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 54 | Lương Thị Lụa     | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 55 | Vy Văn Bắc        | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 56 | Nguyễn Đình Bảng  | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 57 | Vy Văn Châu       | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 58 | Vy Văn Thượng     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 59 | Vy Văn Đức        | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 60 | Vy Văn Tiền       | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 61 | Lăng Văn Việt     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 62 | Vy Văn Nam        | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 63 | Nông Minh Đức     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 64 | Vy Văn Lợi        | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 65 | Nguyễn Đình Luyện | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 66 | Nguyễn Đình Linh  | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 67 | Vy Thanh Huyền    | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 68 | Vy Văn Quyết      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |

|    |                  |     |                             |
|----|------------------|-----|-----------------------------|
| 69 | Long Kim Băng    | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 70 | Lăng Thị Vân     | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 71 | Lộc Thị Ý        | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 72 | Hà Thị Tư        | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 73 | Nguyễn Đình Pun  | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 74 | Nguyễn Đình Huân | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 75 | Vy Văn Sĩ        | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 76 | Vy Văn Chiến     | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 77 | Hà Thị Vít       | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 78 | Phùng Thị Oanh   | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 79 | Nguyễn Đình Chức | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 80 | Vy Đức Luận      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 81 | Hà Văn Long      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 82 | Hà Thị Noóng     | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 83 | Lương Thế Toại   | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 84 | Nông Văn Cò      | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 85 | Đàm Văn Thắng    | Nam | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 86 | Nguyễn Đình Biên | Nữ  | Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt |
| 87 | Lăng Chí Thanh   | Nữ  | Thôn Nà Mạ, xã Hoàng Việt   |
| 88 | Lăng Thị Dung    | Nữ  | Thôn Nà Mạ, xã Hoàng Việt   |
| 89 | Phùng Thị Khin   | Nữ  | Thôn Nà Mạ, xã Hoàng Việt   |
| 90 | Lăng Thị Đông    | Nữ  | Thôn Nà Mạ, xã Hoàng Việt   |

# **PHỤ LỤC 4**

## **CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**

---

# TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT



**HOÀNG VIỆT**  
TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA

## HỒ SƠ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG

Số: 01/THT lúa Hoàng Việt/2023

Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

Tên tổ chức: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0399.500.765

*Văn Lãng, năm 2023*

## MỤC LỤC

| STT | NỘI DUNG                       | Trang |
|-----|--------------------------------|-------|
| 1   | Bản tự công bố                 |       |
| 2   | Quyết định công bố tiêu chuẩn  |       |
| 3   | Tiêu chuẩn sản phẩm            |       |
| 4   | Phụ lục 1 - Mẫu nhãn sản phẩm  |       |
| 5   | Phụ lục 2 - Quy trình sản xuất |       |
| 6   | Phiếu kiểm nghiệm              |       |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/THTLHV/2023

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0399.500.765

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/2023/NNPTNT-HVL  
ngày 19/12/2023; Nơi cấp: Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lãng

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

2. Thành phần: Gạo nếp 100%

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ NSX.

4. Quy cách đóng gói, chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói bằng chất liệu nhựa PE, PP, túi craft, có khối lượng tịnh 1 kg, 3 kg, 5 kg đảm bảo ATTP theo quy định của BYT..

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu nhựa PE, PP, túi craft đảm bảo ATTP theo quy định của BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất:

- Cơ sở sản xuất sản phẩm: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt.

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (Mẫu nhãn dự kiến đính kèm tại phụ lục 1).

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Văn Lãng, ngày 28 tháng 10 năm 2023

**TỔ TRƯỞNG**

(ký tên)



**Phùng Văn Đại**

# TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: TCCS 01:2023/Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

- Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương
- Hiệu lực áp dụng: Áp dụng cho sản gạo nếp mèng thương của tổ hợp tác lúa Hoàng Việt.

TỔ TRƯỞNG  
(ký tên)



Phùng Văn Đại

## LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2023/THT lúa Hoàng Việt do tổ hợp tác lúa Hoàng Việt xây dựng và ban hành để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm gạo nếp Mèng Thương theo quyết định số ban hành lần thứ nhất ngày 28 tháng 10 năm 2023 của tổ hợp tác.

Tiêu chuẩn này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

# PHÂN KHÁI QUÁT

## 1. Thông tin chung

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 01:2023/THT lúa Hoàng Việt.

## 2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho sản phẩm gạo nếp Mèng Thương của tổ hợp tác sản xuất.

## 3. Tài liệu tham khảo

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18/11/2021 của Bộ KH&CN Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Bản tự công bố sản phẩm gạo nếp Mèng Thương số: 01/THT lúa Hoàng Việt/2023 của Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt ngày 28/10/2023.

## PHẦN KỸ THUẬT

### 1. Yêu cầu đối với nguyên liệu đầu vào

- Gạo nếp phải nguyên vẹn, màu sắc trắng, không mốc hỏng, ẩm ướt.

### 2. Tiêu chí chất lượng

#### 2.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Sản phẩm nguyên vẹn
- Màu sắc: Trắng ngà
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm
- Tạp chất: Không có tạp chất lạ (quan sát bằng mắt thường).

#### 2.1. Chỉ tiêu giới hạn kim loại nặng

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố          |
|-----|--------------|-------------|----------------------|
| 1   | Cadimi (Cd)* | mg/kg       | KPH<br>(LOD = 0,01)  |
| 2   | Chì (Pb)*    | mg/kg       | KPH<br>(LOD = 0,025) |

#### 2.2. Chỉ tiêu giới hạn vi sinh vật, độc tố vi nấm

| STT | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Mức công bố              |
|-----|---------------------------------|-------------|--------------------------|
| 1   | Aflatoxin B1                    | µg/kg       | KPH<br>(LOD = 1,8)       |
| 2   | Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/kg       | KPH<br>(LOD = 1,8)       |
| 3   | Ochratoxin A (OTA)*             | µg/kg       | KPH<br>(LOD = 0,5)       |
| 4   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí*   | CFU/g       | $4 \times 4 \times 10^2$ |
| 5   | Tổng số nấm men – nấm mốc*      | CFU/g       | $3 \times 10^2$          |
| 6   | E. coli*                        | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)        |
| 7   | Staphylococcus aureus*          | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)        |
| 8   | Clostridium perfringens*        | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)        |

#### 2.2. Chỉ tiêu dinh dưỡng

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|--------------|-------------|-------------|
| 1   | Năng lượng   | kcal/100g   | 344,24      |
| 2   | Kali (K)     | mg/kg       | 1113        |

| STT | Tên chỉ tiêu          | Đơn vị tính | Mức công bố        |
|-----|-----------------------|-------------|--------------------|
| 3   | Vitamin B1 (Thiamine) | mg/kg       | KPH<br>(LOD = 1,8) |
| 4   | Béo tổng              | %           | < 0,3              |
| 5   | Đạm tổng              | %           | 7,42               |
| 6   | Carbohydrate          | %           | 78.64              |

### 3. Phương pháp thử

- Sản phẩm được thử nghiệm các chỉ tiêu trên ở Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 và đáp ứng các yêu cầu của quy định pháp luật.

## PHẦN THÔNG TIN BỔ SUNG

**1. Thành phần:** Gạo nếp 100%.

**2. Ngày sản xuất và hạn sử dụng**

- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ NSX

- Ngày sản xuất được ghi trên bao bì.

**3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản**

**3.1. Hướng dẫn sử dụng:**

Dùng nấu cơm nếp, đồ xôi, xay bột làm nguyên liệu bánh, chè, ... theo yêu cầu.

**3.2. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói**

**4.1. Chất liệu bao bì**

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu nhựa PE, PP, túi craft, thùng carton đảm bảo ATTP theo quy định của BYT.

**4.2. Khối lượng tịnh, quy cách đóng gói**

- Sản phẩm được đóng gói bằng chất liệu nhựa PE, PP, túi craft có khối lượng tịnh 1 kg, 3 kg, 5 kg đảm bảo ATTP theo quy định của BYT..

**5. Quy trình sản xuất:** (Chi tiết đính kèm tại phụ lục 2).

**6. Các biện pháp phân biệt thật giả:** Không áp dụng.

**7. Nội dung ghi nhãn:** Phù hợp với Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (Chi tiết đính kèm tại phụ lục 1).

**8. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa**

**8.1. Xuất xứ:** Việt Nam.

**8.2. Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm và phân phối:**

Sản xuất tại: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh

Lạng Sơn

Điện thoại: 0399.500.765 – 0397.511.131

Chúng tôi cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo đúng tiêu chuẩn cơ sở đã công bố trên đây và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng và cơ quan quản lý nhà nước về những vi phạm đối với những tiêu chuẩn chất lượng đã công bố./.

Văn Lãng, ngày 28 tháng 10 năm 2023

**TỔ TRƯỞNG**

(ký tên)



**Phùng Văn Đại**

**Phụ lục 1**  
**MẪU NHÃN SẢN PHẨM**

**Khối lượng tịnh:** 01 kg

**Hướng dẫn sử dụng:**

Dùng nấu cơm nếp, đồ xôi, xay bột làm nguyên liệu bánh, chè, ... theo yêu cầu.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Lưu ý:** Không dùng sản phẩm nếu có dấu hiệu mốc hoặc quá hạn sử dụng.

**NSX:** .....

**HSD:** 12 tháng kể từ NSX

**Sản xuất tại:**

TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HOÀNG VIỆT

**Địa chỉ:** Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

**Điện thoại:** 0399500765 - 0397511131

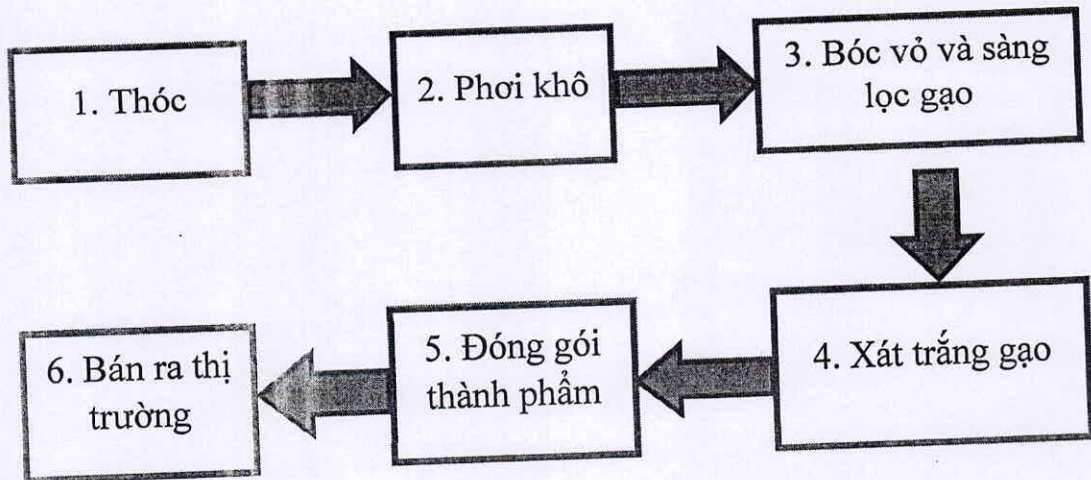
**Xuất xứ:** Việt Nam

**Số CBCL:** 01/THT SX LÚA HOÀNG VIỆT/ 2023

**Tiêu chuẩn số:** TCCS 01:2023/HTX NS Toàn Thương

**Website:** [ocopvanlang.com](http://ocopvanlang.com)

**Phụ lục 2**  
**QUY TRÌNH SẢN XUẤT**





**TỔ HỢP TÁC LÚA  
HOÀNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hoàng Việt, ngày 20 tháng 9 năm 2023*

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**Về xuất xứ nguyên liệu Gạo nếp Mèng Thương**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Hoàng Việt.

Tên tôi là: Phùng Văn Đại

Đại diện: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh  
Lạng Sơn

Điện thoại: 0399.500.765

Năm 2023, tổ hợp tác lúa Hoàng Việt đăng ký tham gia Chương trình OCOP. Theo quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm: “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) tổ chức đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP, bao gồm các tiêu chí sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc/trí tuệ địa phương. Căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về các tiêu chí trên.”

Vì vậy, chúng tôi làm giấy xác nhận này nhằm mục đích xác nhận nguồn gốc nguyên liệu của sản phẩm gạo Nếp Mèng Thương có nguồn gốc từ gạo nếp, được trồng tại địa phương (trong huyện/xã), diện tích vùng trồng khoảng 20 ha, khối lượng tiêu thụ hàng năm ước đạt 90 tấn/năm để làm tài liệu minh chứng tham gia Chương trình OCOP và cam kết không sử dụng danh sách này vì mục đích khác.

Kính đề nghị UBND xã Hoàng Việt xác nhận tổ hợp tác thông tin trên là đúng sự thật.

**XÁC NHẬN CỦA UBND  
T.M.UBND XÃ HOÀNG VIỆT  
CHỦ TỊCH**



**Âu Hồng Ngân**

**ĐẠI DIỆN TỔ HỢP TÁC  
TỔ TRƯỞNG**

**Phùng Văn Đại**

## **PHỤ LỤC 5**

# **PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỈ TIÊU AN TOÀN THỰC PHẨM THEO TIÊU CHUẨN CÔNG BỐ**



Mã số/ Code: DV230617.03/01

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT  
*Customer's Name*
2. Địa chỉ/ : Thôn Khun Pinh, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn  
*Address*
3. Tên mẫu thử/ : Gạo nếp Mèng Thương  
*Name of Sample*
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín  
*Sample Description*
5. Ngày nhận mẫu/ : 17/06/2023  
*Date sample received*
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu  
*Sample retention time*
7. Ngày thử nghiệm/ : 06/06/2023-13/06/2023  
*Date of test*
8. Ngày trả kết quả/ : 13/06/2023  
*Date of issue*

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

| STT No. | Chỉ tiêu<br>Parameter(s)               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result(s)  | Phương pháp thử<br>Test Method |
|---------|--|----------------|---|--------------------------------|
| 1       | Cảm quan (Màu sắc, trạng thái, mùi vị) | -              | Sản phẩm là các hạt còn nguyên vẹn, không bị vỡ vụn, màu trắng. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ. Không có côn trùng sống nhìn bằng mắt thường | Cảm quan                       |
| 2       | Độ ẩm                                  | %              | 13,38   | ISO 712:2009                   |
| 3       | Đạm tổng*                              | %              | 7,42  | TCVN 8125:2015                 |
| 4       | Béo tổng*                              | %              | < 0,3   | TCVN 6555:2017                 |
| 5       | Carbohydrate                           | %              | 78,64   | VNT.H.03.Fo.187                |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Mã số/ Code: DV230617.03/01

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter(s)            | Đơn vị Unit | Kết quả Result(s)     | Phương pháp thử Test Method   |
|---------|----------------------------------|-------------|-----------------------|---|
| 6       | Năng lượng                       | kcal/100g   | 344,24                | Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition) |
| 7       | Kali (K)                         | mg/kg       | 1113                  | TCVN 10916:2015   |
| 8       | Cadimi (Cd)*                     | mg/kg       | KPH<br>(LOD = 0,01)   | TCVN 8126:2009  |
| 9       | Chì (Pb)*                        | mg/kg       | KPH<br>(LOD = 0,025)  | TCVN 8126:2009  |
| 10      | Vitamin B1 (Thiamine)            | mg/kg       | KPH<br>(LOD = 6)      | VNT.H.03.Fo.189 (2021)<br>(Ref. TCVN 5164:2018)                           |
| 11      | Aflatoxin B1*                    | µg/kg       | KPH<br>(LOD = 1,8)    | VNT.H.03.Fo.78 (2021)<br>(Ref. AOAC 994.08)                               |
| 12      | Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)* | µg/kg       | KPH<br>(LOD = 1,8)    | VNT.H.03.Fo.78 (2021)<br>(Ref. AOAC 994.08)                               |
| 13      | Ochratoxin A (OTA)*              | µg/kg       | KPH<br>(LOD = 0,5)    | VNT.H.03.Fo.79 (2021)   |
| 14      | Tổng số vi sinh vật hiếu khí*    | CFU/g       | 4,4 x 10 <sup>2</sup> | TCVN 4884-1:2015  |
| 15      | Tổng số nấm men - nấm mốc*       | CFU/g       | 3 x 10 <sup>2</sup>   | TCVN 8275-2:2010  |
| 16      | Coliforms*                       | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 6848:2007  |
| 17      | E. coli*                         | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 7924-2:2008  |
| 18      | Staphylococcus aureus*           | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 4830-1:2005  |
| 19      | Clostridium perfringens*         | CFU/g       | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 4991:2005  |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), items are tested by subcontractor (\*\*).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Mã số/ Code: DV230617.03/01

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter(s)    | Đơn vị Unit | Kết quả Result(s) | Phương pháp thử Test Method |
|---------|--------------------------|-------------|-------------------|-----------------------------|
| 20      | <i>Bacillus cereus</i> * | CFU/g       | $2 \times 10^1$   | TCVN 4992:2005              |

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện / Not detected.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limit of detection of method.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.

## **PHỤ LỤC 6**

**MÃ SỐ MÃ VẠCH, TEM TRUY XUẤT  
NGUỒN GỐC**

Mã Vạch 1kg



Mã vạch 3kg



Mã vạch 5kg



8

938557

057036

Mã QR-code



SỞ HỮU TRÍ TUỆ


PHỤ LỤC 7

**TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**

Kính gửi: CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu<sup>1</sup> ( Bản giấy)

**Phụ lục I - Mẫu số 08**  
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ  
ĐẠI NHÃN ĐƠN  
INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIET NAM  
(Đại-li-cho-cán-bộ-nhãn-đơn)

|        |   |
|--------|---|
| NGÀY   | 06-05-2024  |
| DATE   | 06-05-2024  |
| SỐ ĐƠN | 4-2024-19230  |
| APL.   |  |

**NH**

Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số: \_\_\_\_\_ Ngày nộp đơn...

**① NHÃN HIỆU**

Mẫu nhãn hiệu



**Loại nhãn hiệu yêu cầu đăng ký<sup>2</sup>:**

Nhãn hiệu tập thể  
 Nhãn hiệu chứng nhận  
 Nhãn hiệu âm thanh  
 Nhãn hiệu ba chiều

**Mô tả nhãn hiệu:**

Màu sắc: Xanh lá, cam.  
Mô tả: Chi tiết xem ở trang bổ sung số 1.

**② NGƯỜI NỘP ĐƠN**  
(Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu)

Tên đầy đủ: **TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT**

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Số căn cước công dân (nếu có): \_\_\_\_\_ Điện thoại: 0399500765 Email: tranthihatrangqh@gmail.com

Ngoài người nộp đơn khai tại mục này còn có những người nộp đơn khác khai tại trang bổ sung

**③ ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn  
 là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn  
 là người khác được ủy quyền của người nộp đơn

Tên đầy đủ: \_\_\_\_\_ Mã số đại diện: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

<sup>1</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông  nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.  
<sup>2</sup> Nếu nhãn hiệu đăng ký không thuộc các trường hợp này thì người nộp đơn không cần đánh dấu.

© NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

*Đai*

| ④ YÊU CẦU HƯỞNG QUYỀN ƯU TIÊN   | CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGÀY ƯU TIÊN |              |                  |
|---|---|--------------|------------------|
|   | Số đơn  | Ngày nộp đơn | Nước nộp đơn     |
| <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam   |   |              |                  |
| <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris   |   |              |                  |
| <input type="checkbox"/> Theo thoả thuận khác:  |   |              |                  |
| ⑤ PHÍ, LỆ PHÍ   |   |              |                  |
| Loại phí, lệ phí  | Số đối tượng tính phí                                       | Số tiền      |                  |
| <input checked="" type="checkbox"/> Lệ phí nộp đơn  | đơn   | 150.000      |                  |
| <input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu   | ..... nhóm  |              |                  |
| <input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)   | ..... sản phẩm/dịch vụ                                      |              |                  |
| <input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên  | ..... yêu cầu/đơn ưu tiên                                   |              |                  |
| <input checked="" type="checkbox"/> Phí công bố đơn   | đơn   | 120.000      |                  |
| <input checked="" type="checkbox"/> Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn  | 1 nhóm  | 180.000      |                  |
| <input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)   | ..... sản phẩm/dịch vụ                                      |              |                  |
| <input checked="" type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn   | 1 nhóm  | 550.000      |                  |
| <input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)   | ..... sản phẩm/dịch vụ                                      |              |                  |
| <b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>   |   |              | <b>1.000.000</b> |
| Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp): |   |              |                  |

⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Đai

| ⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN  | KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU<br>(Dành cho cán bộ nhận đơn) |
|--|--|
| <i>Tài liệu tối thiểu:</i>   |  |
| <input checked="" type="checkbox"/> Tờ khai, gồm 06 trang x 02 bản (có danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu)  | <input checked="" type="checkbox"/>                      |
| <input checked="" type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu, gồm 05 mẫu  | <input checked="" type="checkbox"/>                      |
| <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) | <input type="checkbox"/>                                 |
| <i>Tài liệu khác:</i>  |  |
| <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng .....   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> bản gốc   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm ..... trang  | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận được phép sử dụng các dấu hiệu đặc biệt (biểu tượng, cờ, huy hiệu, con dấu...), gồm.....trang   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận quyền đăng ký nhãn hiệu   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể/chứng nhận, gồm.....trang   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Bản sao đơn đầu tiên, gồm.....bản   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm.....bản  | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên  | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Bản đồ khu vực địa lý   | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương                    | <input type="checkbox"/>                                 |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu bổ trợ khai tại trang bổ sung   | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |
|  | <input type="checkbox"/>                                 |

Cán bộ nhận đơn

(ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thanh Huyền

⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Đai

- ⑦ **DANH MỤC VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU\***  
 (Ghi tuần tự từng nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ theo Thỏa ước NI-xơ; sử dụng dấu ";" giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm/dịch vụ trong nhóm đó)  
 - Nhóm 30: Gạo; Thực phẩm ăn nhanh trên sơ sở gạo; Bột gạo dùng cho mục đích nấu nướng; [3].

- ⑧ **MÔ TẢ TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN**  
 (đối với nhãn hiệu chứng nhận)

Nguồn gốc địa lý:

Chất lượng:

Đặc tính khác:

|  |            |
|--|------------|
| <b>CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ</b><br>INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM |            |
| NGÀY   | 06-05-2024 |
| DATE   |            |
| SỐ ĐƠN   |            |
| APL.No.  |            |

- ⑨ **CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: Lạng Sơn, ngày 1 tháng 5 năm 2024  
 Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  
 (ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)  
**Tổ trưởng**

*Đài*

Phùng Văn Đài

Còn.....trang bổ sung

\* Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.

## Trang bổ sung số

|   |             |        |
|---|-------------|--------|
| <b>② NGƯỜI NỘP ĐƠN KHÁC</b><br>(Ngoài người nộp đơn thứ nhất đã khai tại trang đầu (lên)) |             |        |
| Tên đầy đủ:   |             |        |
| Địa chỉ:  |             |        |
| Số căn cước công dân (nếu có):  | Điện thoại: | Email: |
| <input type="checkbox"/> Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhân hiệu         |             |        |
| Tên đầy đủ:   |             |        |
| Địa chỉ:  |             |        |
| Số căn cước công dân (nếu có):  | Điện thoại: | Email: |
| <input type="checkbox"/> Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhân hiệu         |             |        |
| Tên đầy đủ:   |             |        |
| Địa chỉ:  |             |        |
| Số căn cước công dân (nếu có):  | Điện thoại: | Email: |
| <input type="checkbox"/> Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhân hiệu         |             |        |
| Tên đầy đủ:   |             |        |
| Địa chỉ:  |             |        |
| Số căn cước công dân (nếu có):  | Điện thoại: | Email: |
| <input type="checkbox"/> Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhân hiệu         |             |        |
| <b>⑥ CÁC TÀI LIỆU KHÁC</b><br>(Khai chi tiết từng loại tài liệu: tên, số trang...)        |             |        |

Còn.....trang bổ sung

⑨ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Đài

Trang bổ sung số 1:

Mô tả chi tiết:

Tổng thể nhãn hiệu là hình ảnh ngôi nhà sàn và hình ảnh bông lúa cách điệu được lồng ghép vào nhau. Hình ảnh ngôi nhà được cách điệu từ chữ "H", có màu xanh lá nằm ở chính giữa nhãn hiệu. Nằm bên trên, lồng với hình ngôi nhà là hình 2 bông lúa liền nhau được cách điệu từ chữ "V". Bông lúa có phần thân màu xanh lá, hạt lúa màu cam, hướng lên trên. Chữ "H" và "V" có ý nghĩa là "HOÀNG VIỆT" tên của tổ hợp tác.

| CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ<br>INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM |            |
|---|------------|
| NGÀY  | 06-05-2024 |
| DATE  |            |
| SỐ ĐƠN  |            |
| APL.No.   |            |

© NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Đai

# **PHỤ LỤC 8**

## **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

---

Số: 01-ĐKMT  
V/v đăng ký môi trường cho dự  
án đầu tư, cơ sở

Hoàng Việt, ngày 18 tháng 5 năm 2023

**ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: UBND xã Hoàng Việt.

Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt là chủ đầu tư của dự án bảo vệ môi trường trong sản xuất và kinh doanh gạo nếp Mèng Thương, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 14C8002566; Ngày cấp: 23/07/2021; Cơ quan cấp: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Văn Lãng

- Người đại diện theo pháp luật của tổ hợp tác: Tổ trưởng Phùng Văn Đại

- Điện thoại: 0399500765

Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt đăng ký môi trường cho tổ hợp tác lúa Hoàng Việt với các nội dung sau:

**1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở:**

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Địa điểm thực hiện: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Văn Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

+ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: đã hoàn thiện vận hành sản xuất

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:

+ Quy mô: văn phòng diện tích 20 m<sup>2</sup>, nhà xưởng diện tích 60 m<sup>2</sup>, nhân lực 4 người;

+ Công nghệ: sử dụng máy móc (máy tuốt lúa, máy xát)

+ Sản lượng: 90 tấn/năm;

+ Loại hình sản xuất: Sản xuất theo mùa vụ

**2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở:**

- Nguyên liệu: gạo nếp

- Sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

**3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:**

- Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt, công nghiệp) hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): nước thải sinh hoạt, 10 m<sup>3</sup>/tháng.

- Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Có phát sinh khí thải do máy móc tạo ra nhưng không đáng kể.

- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Thùng carton và bao bì hư hỏng.

- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không phát sinh chất thải rắn công nghiệp.

- Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không phát sinh chất thải nguy hại.

**4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:**

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Xây dựng bể chứa ngầm xử lý nước thải.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý phế phẩm trong quá trình sơ chế, chế biến trong hoạt động sản xuất:

+ Phế phẩm (chấu gạo, hạt hư hỏng,...) được xử lý ủ làm sản phẩm trộn phân bón và làm thức ăn cho gia cầm.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Thu gom và đưa và đưa tới nơi xử lý rác thải của địa phương.

**5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:**

Chúng tôi cam kết không có chất thải nguy hại đến môi trường. Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

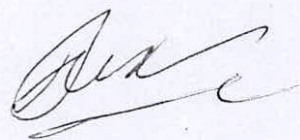
Kính đề nghị UBND xã Hoàng Việt tiếp nhận đăng ký môi trường của tổ hợp tác lúa Hoàng Việt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: THT.

**TỔ TRƯỞNG**

(ký tên)



**Phùng Văn Đại**

## **PHỤ LỤC 9**

---

### **HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TIÊN TIẾN, KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

## TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

### KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

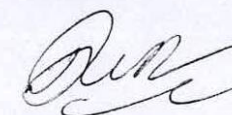
Sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

| Các quá trình sản xuất cụ thể | Kế hoạch kiểm tra chất lượng    |  |                         |                              |                          |               |         |
|-------------------------------|---------------------------------|--|-------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
|                               | Các chỉ tiêu giám sát kiểm soát | Quy định kỹ thuật  | Tần suất lấy mẫu/Cỡ mẫu | Thiết bị thử nghiệm/Kiểm tra | Phương pháp thử/Kiểm tra | Biểu ghi chép | Ghi chú |
| Sơ chế                        | Thóc                            | - Thực hiện tuóc lúa tại ruộng, loại bỏ các hạt lép, hỏng. | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Công nhân                       | Kinh nghiệm, mang găng tay, khẩu trang                     | Toàn bộ quá trình       |                              | Cảm quan                 |               |         |
| Xát                           | Khu vực                         | - Sạch, đảm bảo vệ sinh                                    | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Công nhân                       | - Mang găng, khẩu trang                                    | Toàn bộ quá trình       |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Thành phẩm                      | - Gạo được sát khỏi vỏ chấu.                               | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
| Đánh bóng                     | Khu vực                         | - Sạch, đảm bảo vệ sinh                                    | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Công nhân                       | - Mang găng, khẩu trang                                    | Toàn bộ quá trình       |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Thành phẩm                      | Gạo được sát trắng   | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
| Đóng gói                      | Khu vực                         | Sạch sẽ, thoáng mát  | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Máy móc                         | Vệ sinh sạch sẽ, hoạt động tốt                             | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Công nhân                       | - Mang găng, khẩu trang                                    | Toàn bộ quá             |                              | Cảm quan                 |               |         |

| Kế hoạch kiểm tra chất lượng  |                                 |  |                         |                              |                          |               |         |
|-------------------------------|---------------------------------|--|-------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| Các quá trình sản xuất cụ thể | Các chỉ tiêu giám sát kiểm soát | Quy định kỹ thuật  | Tần suất lấy mẫu/Cỡ mẫu | Thiết bị thử nghiệm/Kiểm tra | Phương pháp thử/Kiểm tra | Biểu ghi chép | Ghi chú |
|                               |                                 |  |                         | trình                        |                          |               |         |
|                               | Chất lượng                      | - Hạt gạo nguyên viện, không hư hỏng, ẩm mốc<br>- Đóng gói, bao bì hút chân không kín, khối lượng tịnh tùy theo đơn hàng | 1 lần/mẻ                |                              | Cảm quan                 |               |         |
| Bảo quản                      | Kho                             | Sạch sẽ, thoáng mát  | 1 lần/ngày              |                              | Cảm quan                 |               |         |
|                               | Nhiệt độ                        | 20- 30 độ C  | 1 lần/ngày              |                              | Thiết bị đo              |               |         |

Hoàng Việt, ngày 10 tháng 10 năm 2023

**TỔ TƯỚNG**



**Phùng Văn Đại**



ISOCERT

Hải Hòa Cùng Thịnh Vượng

# GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199293411726-VIETGAP

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:

**LÚA**

*(Đã bao gồm hoạt động thu hoạch, không bao gồm hoạt động sơ chế)  
(Phụ lục danh sách các hộ đính kèm)*

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI:

## TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HOÀNG VIỆT

Trụ sở: Thôn Khun Pinh, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Địa điểm đánh giá: Thôn Khun Pinh - Thôn Nà Phai - Thôn Nà Mạt, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Tổng diện tích: 25 ha, Sản lượng dự kiến đạt được: 400 tấn/năm.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

# VIETGAP (TCVN 11892-1:2017)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 6 - thông tư 28/2012/TT-BKH-CN ngày 12/12/2012.

|                            |                       |
|----------------------------|-----------------------|
| Ngày chứng nhận            | : 23.11.2022          |
| Ngày phát hành             | : 23.11.2022          |
| Ngày hết hạn               | : 22.11.2025          |
| Chi tiết tại quyết định số | : 23112201/QĐ-ISOCERT |



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:  
9199293411726



ISOCERT

VIETGAP (TCVN 11892-1:2017)



ThS. Vũ Hoàng Tuấn

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <http://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT**

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: [contacts@isocert.org.vn](mailto:contacts@isocert.org.vn), Website: <http://isocert.org.vn>



**ISOCERT**

Harmonization And Prosperity

# CERTIFICATE

No. 9199293411726-VIETGAP

**PRODUCT CERTIFICATE:**

**RICE**

*(Included harvesting activities, excluding preliminary processing activities)  
(Appendix list of households attached)*

PRODUCED AT

## HOANG VIET RICE PRODUCTION COOPERATIVE GROUP

Head office: Khun Pinh Village, Hoang Viet Commune, Van Lang District, Lang Son Province, Vietnam.

Evaluation location: Khun Pinh Village - Na Phai Village - Na Mat Village, Hoang Viet Commune,  
Van Lang District, Lang Son Province, Vietnam.

**Farming area: 25 ha, Estimated output: 400 tons/year.**

Has been assessed and found to conform with requirements of the following standard:

## VIETGAP (TCVN 11892-1:2017)

Mode of certification: Method 6 - Circular 28/2012/TT-BKHCN date 12/12/2012.

|                         |                       |
|-------------------------|-----------------------|
| Certification date      | : 23.Nov.2022         |
| Issue date              | : 23.Nov.2022         |
| Expiration date         | : 22.Nov.2025         |
| Details in decision No. | : 23112201/QD-ISOCERT |



Retrieval Information Code:  
9199293411726



**ISOCERT**

**VIETGAP (TCVN 11892-1:2017)**



**MSc. Vu Hoang Tuan**

Check the validity of the certificate: <http://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

**ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY**

No.40 A Row, Block 12, Dinh Cong New Urban Area, Dinh Cong Ward, Hoang Mai District, Hanoi

Hotline: 1900.636.53, Hanoi office: 02473.036.538, HCM office: 02873.056.538, Email: [contacts@isocert.org.vn](mailto:contacts@isocert.org.vn), Website: <http://isocert.org.vn>

Số: 23112201/QĐ-ISOCERT

V/v cấp giấy chứng nhận phù hợp  
tiêu chuẩn

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP

### GIÁM ĐỐC

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Căn cứ giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động số 2333/TĐC- HCHQ ngày 02/08/2019 của Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ vào quy định về đánh giá HTQL của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT;

Căn cứ vào báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP theo tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 chứng nhận sản phẩm: Lúa (Đã bao gồm hoạt động thu hoạch, không bao gồm hoạt động sơ chế) (Phụ lục danh sách các hộ đính kèm) cho **Tổ hợp tác Sản xuất Lúa Hoàng Việt** có địa chỉ Trụ sở tại: Thôn Khun Pinh, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam và Địa điểm đánh giá tại: Thôn Khun Pinh - Thôn Nà Phai - Thôn Nà Mạt, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam; Tổng diện tích: 25 ha, Sản lượng dự kiến đạt được: 400 tấn/năm.

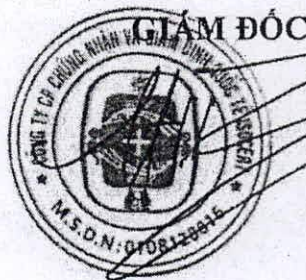
**Điều 2.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2022 đến ngày 22 tháng 11 năm 2025.

Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, **Tổ hợp tác Sản xuất Lúa Hoàng Việt** được phép sử dụng Giấy chứng nhận số 9199293411726-VietGAP và được sử dụng dấu chứng nhận của ISOCERT cho lĩnh vực hoạt động nêu trên.

**Điều 3.** **Tổ hợp tác Sản xuất Lúa Hoàng Việt** có trách nhiệm duy trì và cải tiến chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP theo tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 và được ISOCERT đánh giá giám sát định kỳ 1 năm/1 lần, tổng cộng 02 lần trong 03 năm./. *HT*

Nơi nhận:

- Như trên;
  - Lưu hồ sơ chứng nhận.
- Fax: EMS: Mail:



Vũ Hoàng Tuấn

\*Lưu ý: Quyết định này có giá trị 01 (một) năm kể từ ngày ký.



**ISOCERT – HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG**

☎ Trụ sở chính : Số 40 dãy A lô 12, KĐT mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
🌐 <https://isocert.org.vn>  
✉ Email : [contacts@isocert.org.vn](mailto:contacts@isocert.org.vn)

☎ Hotline : 1900 636 538



QF-08-14

Rev.: 25/01/2021

Trang: 1/1

## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN

(Kèm theo quyết định số 23112201/QĐ-ISOCERT ngày 23 tháng 11 năm 2022)

I. Tên tổ chức được chứng nhận:

**TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HOÀNG VIỆT**

II. Số hiệu chứng nhận: 9199293411726-VIETGAP

III. Địa chỉ được chứng nhận:

Trụ sở: Thôn Khun Pinh, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Địa điểm đánh giá: Thôn Khun Pinh - Thôn Nà Phai - Thôn Nà Mạt, Xã Hoàng Việt, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

IV. Tiêu chuẩn chứng nhận: VIETGAP (TCVN 11892-1:2017)

V. Phạm vi chứng nhận: Lúa.

VI. Danh sách các hộ:

| STT | Tên chủ hộ         | Địa chỉ   | Diện tích (ha) |
|-----|--------------------|-----------|----------------|
| 1   | Hoàng Thị Kim      | Khun Pinh | 0,324          |
| 2   | Hoàng Thị Soạn     | Khun Pinh | 0,18           |
| 3   | Hoàng Anh Tuấn     | Khun Pinh | 0,288          |
| 4   | Phùng Văn Đại      | Khun Pinh | 0,396          |
| 5   | Đường Việt Do      | Khun Pinh | 0,216          |
| 6   | Hà Thị Thanh Tuyết | Khun Pinh | 0,396          |
| 7   | Sầm Văn Khánh      | Khun Pinh | 0,144          |
| 8   | Trần Mạnh Cường    | Khun Pinh | 0,216          |
| 9   | Trần Minh Huân     | Khun Pinh | 0,18           |
| 10  | Hoàng Thế Việt     | Khun Pinh | 0,216          |
| 11  | Phùng Văn Thọ      | Khun Pinh | 0,324          |
| 12  | Phùng Văn Chiến    | Khun Pinh | 0,108          |
| 13  | Trần Thị Hoạt      | Khun Pinh | 0,144          |
| 14  | Phùng Văn Thái     | Khun Pinh | 0,144          |
| 15  | Hoàng Duy Diễn     | Khun Pinh | 0,36           |
| 16  | Nguyễn Thị Thiều   | Nà Phai   | 0,324          |
| 17  | Nguyễn Đình Chung  | Nà Phai   | 0,216          |
| 18  | Nguyễn Đình Trường | Nà Phai   | 0,684          |
| 19  | Vy Trọng Ban       | Nà Phai   | 0,432          |
| 20  | Nguyễn Đình Báo    | Nà Phai   | 0,576          |
| 21  | Vy Đức Thịnh       | Nà Phai   | 0,756          |



**ISOCERT - HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG**

☎ Trụ sở chính: Số 40 dãy A 18 12, KĐT mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
🌐 <https://isocert.org.vn>  
✉ Email: [contacts@isocert.org.vn](mailto:contacts@isocert.org.vn)

☎ Hotline: 1000.036.538



QF-08-14

Rev.: 25/01/2021

Trang: 1/1

|    |                    |         |       |
|----|--------------------|---------|-------|
| 22 | Hoàng Xuân Quỳnh   | Nà Phai | 0,252 |
| 23 | Hoàng Thị Bé       | Nà Phai | 0,486 |
| 24 | Vy Đức Quỳnh       | Nà Phai | 0,468 |
| 25 | Vy Quang Điền      | Nà Phai | 0,36  |
| 26 | Hoàng Đức Tuấn     | Nà Phai | 0,324 |
| 27 | Vy Quang Dưỡng     | Nà Phai | 0,504 |
| 28 | Hoàng Văn Thụ      | Nà Phai | 0,324 |
| 29 | Vy Thị Hào         | Nà Phai | 0,432 |
| 30 | Nguyễn Đình Nguyên | Nà Phai | 0,396 |
| 31 | Hoàng Văn Giang    | Nà Phai | 0,216 |
| 32 | Hoàng Văn Dũng     | Nà Phai | 0,468 |
| 33 | Hoàng Thị Loan     | Nà Phai | 0,612 |
| 34 | Hoàng Văn Tuấn     | Nà Phai | 0,288 |
| 35 | Hoàng Thị Mai      | Nà Phai | 0,432 |
| 36 | Nguyễn Thị Oánh    | Nà Phai | 0,414 |
| 37 | Hoàng Văn Kén      | Nà Phai | 0,432 |
| 38 | Nguyễn Đình Quân   | Nà Phai | 0,468 |
| 39 | Hà Văn Tám         | Nà Phai | 0,252 |
| 40 | Hà Văn Du          | Nà Phai | 0,36  |
| 41 | Nông Văn Cường     | Nà Phai | 0,468 |
| 42 | Đàm Thị Thu        | Nà Phai | 0,216 |
| 43 | Đàm Văn Thanh      | Nà Phai | 0,144 |
| 44 | Hoàng Đức Tình     | Nà Phai | 0,36  |
| 45 | Nguyễn Hồng Long   | Nà Phai | 0,54  |
| 46 | Đàm Thị Bình       | Nà Phai | 0,072 |
| 47 | Vy Đức Nghị        | Nà Phai | 0,468 |
| 48 | Hà Việt Phương     | Nà Phai | 0,144 |
| 49 | Nguyễn Đình Tứ     | Nà Phai | 0,252 |
| 50 | Nguyễn Thị Bình    | Nà Phai | 0,288 |
| 51 | Nguyễn Đình Bạo    | Nà Phai | 0,18  |
| 52 | Nguyễn Đình Lâm    | Nà Phai | 0,18  |
| 53 | Lương Thế Thoại    | Nà Phai | 0,216 |
| 54 | Lương Thị Lụa      | Nà Phai | 0,108 |
| 55 | Vy Văn Bắc         | Nà Phai | 0,108 |
| 56 | Nguyễn Đình Bằng   | Nà Phai | 0,18  |
| 57 | Vy Văn Châu        | Nà Phai | 0,108 |



**ISOCERT - HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG**

Trụ sở chính: Số 40 dãy A 12, KĐT mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
<https://isocert.org.vn>  
 Email: [contacts@isocert.org.vn](mailto:contacts@isocert.org.vn)

Hotline: 1900.636.538



QF-08-14

Rev.: 25/01/2021

Trang: 1/1



|             |                   |         |           |
|-------------|-------------------|---------|-----------|
| 58          | Vy Văn Thượng     | Nà Phai | 0,252     |
| 59          | Vy văn Đức        | Nà Phai | 0,108     |
| 60          | Vy Văn Tiến       | Nà Phai | 0,18      |
| 61          | Lăng Văn Việt     | Nà Phai | 0,18      |
| 62          | Vy Văn Nam        | Nà Phai | 0,072     |
| 63          | Nông Minh Đức     | Nà Phai | 0,324     |
| 64          | Vy Văn Lợi        | Nà Phai | 0,108     |
| 65          | Nguyễn Đình Luyện | Nà Phai | 0,324     |
| 66          | Nguyễn Đình Linh  | Nà Phai | 0,18      |
| 67          | Vy Thanh Huyền    | Nà Phai | 0,18      |
| 68          | Vy Văn Quyết      | Nà Phai | 0,09      |
| 69          | Long Kim Băng     | Nà Phai | 0,072     |
| 70          | Lăng Thị Vân      | Nà Phai | 0,252     |
| 71          | Lộc Thị Ý         | Nà Phai | 0,072     |
| 72          | Hà Thị Tứ         | Nà Phai | 0,144     |
| 73          | Nguyễn Đình Pun   | Nà Phai | 0,108     |
| 74          | Nguyễn Đình Huấn  | Nà Phai | 0,072     |
| 75          | Vy Văn Sĩ         | Nà Phai | 0,144     |
| 76          | Vy Văn Chiến      | Nà Phai | 0,072     |
| 77          | Hà Thị Vít        | Nà Phai | 0,144     |
| 78          | Phùng Thị Oanh    | Nà Phai | 0,144     |
| 79          | Nguyễn Đình Chức  | Nà Phai | 0,142     |
| 80          | Vy Đức Luận       | Nà Phai | 0,252     |
| 81          | Hà Văn Long       | Nà Phai | 0,36      |
| 82          | Hà Thị Noóng      | Nà Phai | 0,36      |
| 83          | Lương Thế Toại    | Nà Phai | 0,216     |
| 84          | Nông Văn Cò       | Nà Phai | 0,36      |
| 85          | Đàm Văn Thắng     | Nà Phai | 0,108     |
| 86          | Nguyễn Đình Biên  | Nà Phai | 0,396     |
| 87          | Lăng Chí Thanh    | Nà Mạt  | 0,612     |
| 88          | Lăng Thị Dung     | Nà Mạt  | 0,252     |
| 89          | Phùng Thị Khìn    | Nà Mạt  | 0,36      |
| 90          | Lăng Thị Đông     | Nà Mạt  | 0,216     |
| <b>Tổng</b> |                   |         | <b>25</b> |



## ISOCERT - HAI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG

☎ Trụ sở chính: Số 40 dãy A lô 12, KĐT mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
 🌐 <https://isocert.org.vn>  
 ✉ Email: [contact@isocert.org.vn](mailto:contact@isocert.org.vn)

☎ Hotline: 1900.636.636



QF-08-14

Rev.: 25/01/2021

Trang: 1/1

**PHỤ LỤC 10**  
**KẾ TOÁN**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Văn Lãng, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

**Số: 01/2022HĐLĐ-KT**

- Căn cứ Bộ Luật Lao Động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tổ hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt, chúng tôi gồm:

**Bên A (Người sử dụng lao động): Tổ Hợp tác lúa xã Hoàng Việt**

Đại diện là Ông/Bà: Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng THTSXL Hoàng Việt

CMND/CCCD số: 020072000354; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Số đăng ký kinh doanh: 14C8003249

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0399500765

**Bên B (Người lao động): Bà: Nguyễn Thu Thúy**

Số CMND/CCCD: 020192001416; Cấp ngày 11/04/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: Thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

**Điều 1. Công việc hợp đồng**

- Chức vụ: Nhân viên kế toán.

- Công việc phải làm:

+ Lập và xử lý hóa đơn; Hạch toán, ghi chép sổ sách kế toán; Theo dõi và kiểm soát kho, CCDC, TSCĐ, công nợ; Chăm công, tính lương, tính thuế TNCN, chi trả lương nhân viên; Kê khai thuế hàng tháng, quý; Hỗ trợ kế toán trưởng lên Báo cáo tài chính, quyết toán thuế cuối năm.

+ Thực hiện công việc theo đúng chức danh chuyên môn của mình dưới sự quản lý, điều hành của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng (và các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách).

+ Phối hợp cùng với các bộ phận, phòng ban khác trong hợp tác xã để phát huy tối đa hiệu quả công việc.

**Điều 2: Địa điểm và thời hạn của hợp đồng lao động:**

- Tại phòng kế toán của Tổ hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Loại Hợp đồng lao động không xác định thời hạn

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày ký hợp đồng

**Điều 3: Mức lương, phụ cấp, hình thức trả lương, kỳ hạn trả lương:**

**1. Mức lương theo thời gian:** Mức lương chính: 4.000.000 đồng/tháng

**2. Các khoản phúc lợi:**

- Các khoản tiền thưởng lễ, tết, sinh nhật, kết hôn sẽ được hưởng theo quy chế lương thưởng của hợp tác xã.

- Được đi thăm quan, du lịch, nghỉ mát theo quy định của hợp tác xã.

**3. Hình thức trả lương:**

- Tiền lương được trả theo tháng và trả bằng tiền mặt hoặc Chuyển khoản.

**4. Thời hạn trả lương:** Ngày thứ 5 của tháng sau.

**5. Chế độ nâng lương:**

- 36 tháng 1 lần căn cứ vào kết quả thực hiện công việc của người lao động và quy chế lương thưởng của hợp tác xã.

**6. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:**

- Được tham gia bảo hiểm theo đúng quy định về mức đóng và tỷ lệ đóng của Luật bảo hiểm xã hội.

**Điều 4: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:**

**1. Thời giờ làm việc:**

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày.

- Từ ngày Thứ 2 đến ngày Thứ 7 hàng tuần:

+ Buổi sáng : 7h30 - 11h30.

+ Buổi chiều: 13h00 - 17h00.

**2. Thời gian nghỉ:**

- Hàng tuần: Được nghỉ ngày chủ nhật.

- Nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng: Theo quy định của Luật lao động.

## **Điều 5: Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động:**

### **1. Quyền lợi:**

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính, sổ sách ...

- Được hưởng mức lương và các khoản phụ cấp, phúc lợi nêu trên.

- Được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp: Được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tại nơi làm việc hoặc được gửi đi đào tạo theo quy định của hợp tác xã và yêu cầu công việc.

- Được khen thưởng bằng vật chất và tinh thần khi có thành tích trong công tác hoặc theo quy định của hợp tác xã.

### **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, văn hóa hợp tác xã, nội quy lao động và các chủ trương, chính sách của hợp tác xã.

- Trong trường hợp được cử đi đào tạo thì phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho hợp tác xã sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm.

- Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo không tiếp tục làm việc cho hợp tác xã thì phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo..

- Có trách nhiệm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công việc, giảm thiểu các rủi ro.

-Thuế TNCN (nếu có): Do người lao động đóng, hợp tác xã sẽ tạm khấu trừ trước khi chi trả cho người lao động theo quy định.

- Bồi thường vi phạm vật chất: Theo quy định nội bộ của hợp tác xã và quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 6: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động**

### **1. Nghĩa vụ:**

- Bảo đảm việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong hợp đồng lao động để Người lao động đạt hiệu quả công việc cao.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

## **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển công việc cho người lao động theo đúng chức năng chuyên môn).

- Có quyền chuyển lao động, ngừng việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo nội quy của hợp tác xã trong thời gian hợp đồng lao động còn giá trị.

- Có quyền đòi bồi thường, khiếu nại với cơ quan liên đới để bảo vệ quyền lợi của mình nếu Người lao động vi phạm Pháp luật hay các điều khoản của hợp đồng lao động.

## **Điều 7: Điều khoản thi hành:**

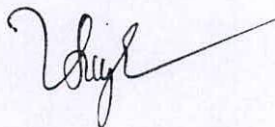
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng theo nội quy lao động và quy chế lương thưởng của hợp tác xã.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

- Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày ký.

- Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

**Đại diện bên B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thu Thúy**

**Đại diện bên A**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Phùng Văn Đại**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF  
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

has conferred

**THE DEGREE OF BACHELOR**

in ACCOUNTING

Upon: *Ms* NGUYEN THU THUY

Date of birth: 17 March 1992

Year of graduation: 2017

Degree classification: Good

Mode of study: Part-time

*Hanoi, 29 December 2017*

Reg. No: 85435

No: 009752

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

cấp

**BẰNG CỬ NHÂN**

KẾ TOÁN

Cho: *Bà* NGUYỄN THU THÚY

Ngày sinh: 17-03-1992

Năm tốt nghiệp: 2017

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017*



Số vào sổ cấp bằng: 85435

## **PHỤ LỤC 11**

---

**PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, HOẠT  
ĐỘNG QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN THƯƠNG  
MẠI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Việt, ngày 18 tháng 01 năm 2022

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

**Số: 02/2022/HĐLD-TU**

- Căn cứ theo Bộ Luật Lao Động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội;
- Căn cứ theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ theo Thông tư 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Tổ hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt, chúng tôi gồm:

**Bên A: Tổ hợp tác sản xuất lúa Hoàng Việt**

Người đại diện: Ông Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0399500765

Sinh ngày: 10/12/1972 Quốc tịch: Việt Nam

**Bên B: Người lao động**

Bà: Nông Thị Diễm

Sinh ngày: 01/8/1994 Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 020194000357; Cấp ngày: 05/4/2021;

Nơi cấp: Cục cảnh sát QHC về trật tự xã hội

Địa chỉ: thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

**Điều 1. Công việc hợp đồng**

- Chức vụ: Nhân viên kinh doanh.

- Công việc phải làm:

+ Lập và xử lý kế hoạch kinh doanh sản phẩm của tổ hợp tác xã theo từng tháng, quý, năm; tìm kiếm, liên hệ, chăm sóc khách hàng, đại lý phân phối của

hợp tác xã; quản lý website, fanpage; lập và báo cáo kết quả kinh doanh; hoàn thành KPI sản phẩm hàng được giao.

+ Thực hiện công việc theo đúng chức danh chuyên môn của mình dưới sự quản lý, điều hành của Ban Giám đốc (và các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách).

**Điều 2: Địa điểm và thời hạn của hợp đồng lao động:**

- Tại văn phòng của THT
- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
- Loại Hợp đồng lao động không xác định thời hạn
- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 21 tháng 01 năm 2022

**Điều 3: Mức lương, phụ cấp, hình thức trả lương, kỳ hạn trả lương:**

**1. Mức lương theo thời gian:** Mức lương chính: 4.000.000 đồng/tháng

**2. Các khoản phúc lợi:**

- Các khoản tiền thưởng lễ, tết, sinh nhật, kết hôn sẽ được hưởng theo quy chế lương thưởng của THT.

- Được đi thăm quan, du lịch, nghỉ mát theo quy định của THT.

**3. Hình thức trả lương:**

- Tiền lương được trả theo tháng và trả bằng tiền mặt hoặc Chuyển khoản.

**4. Thời hạn trả lương:** Ngày thứ 5 của tháng sau.

**5. Chế độ nâng lương:**

- 36 tháng 1 lần căn cứ vào kết quả thực hiện công việc của người lao động và quy chế lương thưởng của THT.

**6. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:**

- Được tham gia bảo hiểm theo đúng quy định về mức đóng và tỷ lệ đóng của Luật bảo hiểm xã hội.

**Điều 4: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:**

**1. Thời giờ làm việc:**

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày.
- Từ ngày Thứ 2 đến ngày Thứ 7 hàng tuần:
  - + Buổi sáng: 7h30 - 11h30.
  - + Buổi chiều: 13h00 - 17h00.

**2. Thời gian nghỉ:**

- Hàng tuần: Được nghỉ ngày chủ nhật.
- Nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng: Theo quy định của Luật lao động.

## **Điều 5: Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động:**

### **1. Quyền lợi:**

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính, sổ sách ...
- Được hưởng mức lương và các khoản phụ cấp, phúc lợi nêu trên.
- Được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp: Được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tại nơi làm việc hoặc được gửi đi đào tạo theo quy định của THT và yêu cầu công việc.
- Được khen thưởng bằng vật chất và tinh thần khi có thành tích trong công tác hoặc theo quy định của THT.

### **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu của Ban Giám đốc.
- Chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, văn hóa, nội quy lao động và các chủ trương, chính sách của THT.
- Trong trường hợp được cử đi đào tạo thì phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho THT sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm.
- Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo không tiếp tục làm việc cho THT thì phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Có trách nhiệm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công việc, giảm thiểu các rủi ro.
- Thuế TNCN (nếu có): Do người lao động đóng. THT sẽ tạm khấu trừ trước khi chi trả cho người lao động theo quy định.
- Bồi thường vi phạm vật chất: Theo quy định nội bộ của THT và quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 6: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động**

### **1. Nghĩa vụ:**

- Bảo đảm việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong hợp đồng lao động để Người lao động đạt hiệu quả công việc cao.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

### **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển công việc cho người lao động theo đúng chức năng chuyên môn).

- Có quyền chuyển lao động, ngừng việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo nội quy của THT trong thời gian hợp đồng lao động còn giá trị.

- Có quyền đòi bồi thường, khiếu nại với cơ quan liên đới để bảo vệ quyền lợi của mình nếu Người lao động vi phạm Pháp luật hay các điều khoản của hợp đồng lao động.

**Điều 7: Điều khoản thi hành:**

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng theo nội quy lao động và quy chế lương thưởng của THT.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản.

- Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 21 tháng 01 năm 2022

- Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nông Thị Diễm**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phùng Văn Đại**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Việt, ngày 6 tháng 1 năm 2024

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 01/2024/HĐMB

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 6 tháng 01 năm 2024, tại Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Chúng tôi gồm có:

**I. BÊN BÁN (Bên A): TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT**

- Đại diện là Ông/Bà: Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng

- Số đăng ký kinh doanh: 14C8002566

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng

Sơn

- Điện thoại: 0399500765

**II. BÊN MUA (Bên B): CỬA HÀNG HOÀNG THỊ HẠNH**

- Đại diện là bà: Hoàng Thị Hạnh Chức vụ: Chủ cửa hàng

- Địa chỉ: kiot 6 chợ giếng vuông, tp. Lạng Sơn

- Số điện thoại: 0987.145.920

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Tên hàng - số lượng - chất lượng - giá trị hợp đồng**

| TT        | Tên hàng hóa              | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|--------|----------|---------|------------|---------|
| 1         | Gạo nếp<br>Mèng<br>Thương | kg     | 500      | 30.000  | 15.000.000 |         |
| Tổng cộng |                           |        |          |         | 15.000.000 |         |

(Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn)

Chất lượng hàng hóa: Theo TCCS của Bên A. Hàng hóa có bao bì còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu hư hỏng.

### **Điều 2: Thanh toán**

1. Bên B phải tạm ứng cho Bên A 30% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng và thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 05 ngày làm việc sau khi 2 Bên ký biên bản bàn giao sản phẩm.

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

### **Điều 3: Thời gian, địa điểm và phương thức giao hàng**

1. Bên A giao hàng cho bên B tại trụ sở của bên B theo từng đơn đặt hàng.

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu.

3. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024 bên A phải cung cấp đủ cho bên B 500 kg gạo nếp theo từng đợt.

### **Điều 4: Trách nhiệm của các bên**

1. Bên A giao hàng đúng thời gian, số lượng, chất lượng tại đã thỏa thuận;

2. Bên B thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

### **Điều 5: Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng**


Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 15% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

### **Điều 6: Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.


2. Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Hoàng Thị Hạnh**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Việt, ngày 23 tháng 12 năm 2023

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**

**Số: 07/2023/HĐMB**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 12 năm 2023, tại Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Chúng tôi gồm có:

**I. BÊN BÁN (Bên A): TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT**

- Đại diện là Ông/Bà: Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng

- Số đăng ký kinh doanh: 14C8002566

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng

Son

- Điện thoại: 0399500765

**II. BÊN MUA (Bên B): CỬA HÀNG OCOP THẠCH CHU HẠNH**

- Đại diện là Ông: Chu Thị Hạnh Chức vụ: Chủ cửa hàng

- Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Số điện thoại: 0856325688

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Tên hàng - số lượng - chất lượng - giá trị hợp đồng**

| TT        | Tên hàng hóa        | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền  | Ghi chú |
|-----------|---------------------|--------|----------|---------|-------------|---------|
| 1         | Gạo nếp Mèng Thương | kg     | 10.000   | 25.000  | 250.000.000 |         |
| Tổng cộng |                     |        |          |         | 250.000.000 |         |

(Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng)

Chất lượng hàng hóa: Theo TCCS của Bên A. Hàng hóa có bao bì còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu hư hỏng.

### **Điều 2: Thanh toán**

1. Bên B phải tạm ứng cho Bên A 30% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng và thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 05 ngày làm việc sau khi 2 Bên ký biên bản bàn giao sản phẩm.

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

### **Điều 3: Thời gian, địa điểm và phương thức giao hàng**

1. Bên A giao hàng cho bên B tại trụ sở của bên B theo từng đơn đặt hàng.

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu.

3. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024 bên A phải cung cấp đủ cho bên B 10.000kg gạo nếp theo từng đợt.

### **Điều 4: Trách nhiệm của các bên**

1. Bên A giao hàng đúng thời gian, số lượng, chất lượng tại đã thỏa thuận;

2. Bên B thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

### **Điều 5: Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng**

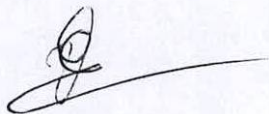
Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 15% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

### **Điều 6: Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

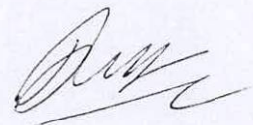
2. Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Chu Thị Hạnh**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Việt, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**

**Số: 08/2023/HĐMB**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Chúng tôi gồm có:

**I. BÊN BÁN (Bên A): TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT**

- Đại diện là Ông/Bà: Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng

- Số đăng ký kinh doanh: 14C8002566

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Điện thoại: 0399500765

**II. BÊN MUA (Bên B): NHÀ HÀNG MINH ĐỊNH**

- Đại diện là Ông: Vũ Minh Định Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng

- Số điện thoại: 0978578888

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Tên hàng - số lượng - chất lượng - giá trị hợp đồng**

| TT        | Tên hàng hóa        | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền  | Ghi chú |
|-----------|---------------------|--------|----------|---------|-------------|---------|
| 1         | Gạo nếp Mèng Thương | kg     | 15.000   | 25.000  | 375.000.000 |         |
| Tổng cộng |                     |        |          |         | 375.000.000 |         |

(Số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi năm triệu đồng)

Chất lượng hàng hóa: Theo TCCS của Bên A. Hàng hóa có bao bì còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu hư hỏng.

**Điều 2: Thanh toán**

1. Bên B phải tạm ứng cho Bên A 30% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng và thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 05 ngày làm việc sau khi 2 Bên ký biên bản bàn giao sản phẩm.

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

**Điều 3: Thời gian, địa điểm và phương thức giao hàng**

1. Bên A giao hàng cho bên B tại trụ sở của bên B theo từng đơn đặt hàng.

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu.

3. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024 bên A phải cung cấp đủ cho bên B 15.000 kg gạo nếp theo từng đợt.

**Điều 4: Trách nhiệm của các bên**

1. Bên A giao hàng đúng thời gian, số lượng, chất lượng tại đã thỏa thuận;

2. Bên B thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

**Điều 5: Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng**

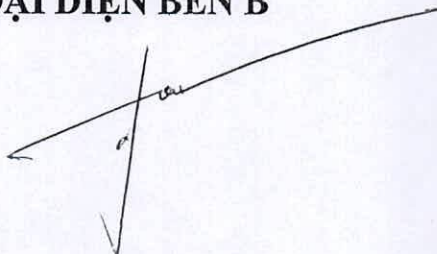
Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 15% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

**Điều 6: Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

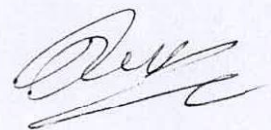
2. Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Vũ Minh Định**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Việt, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**

**Số: 09/2023/HĐMB**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Chúng tôi gồm có:

**I. BÊN BÁN (Bên A): TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT**

- Đại diện là Ông/Bà: Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng

- Số đăng ký kinh doanh: 14C8002566

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Điện thoại: 0399500765

**II. BÊN MUA (Bên B): NHÀ KHÁCH UBND HUYỆN VĂN LÃNG**

- Đại diện là Ông: Nguyễn Đình Quảng Chức vụ: Chủ nhà khách

- Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Số điện thoại: 0912618039

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Tên hàng - số lượng - chất lượng - giá trị hợp đồng**

| TT               | Tên hàng hóa        | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|------------------|---------------------|--------|----------|---------|------------|---------|
| 1                | Gạo nếp Mèng Thương | kg     | 2.000    | 30.000  | 60.000.000 |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                     |        |          |         | 60.000.000 |         |

(Số tiền bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng)

Chất lượng hàng hóa: Theo TCCS của Bên A. Hàng hóa có bao bì còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu hư hỏng.

### **Điều 2: Thanh toán**

1. Bên B phải tạm ứng cho Bên A 30% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng và thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 05 ngày làm việc sau khi 2 Bên ký biên bản bàn giao sản phẩm.

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

### **Điều 3: Thời gian, địa điểm và phương thức giao hàng**

1. Bên A giao hàng cho bên B tại trụ sở của bên B theo từng đơn đặt hàng.

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu.

3. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024 bên A phải cung cấp đủ cho bên B 2.000 kg gạo nếp theo từng đợt.

### **Điều 4: Trách nhiệm của các bên**

1. Bên A giao hàng đúng thời gian, số lượng, chất lượng tại đã thỏa thuận;

2. Bên B thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

### **Điều 5: Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng**

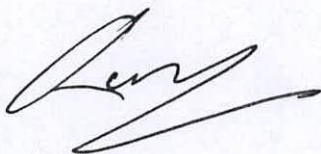
Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 15% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

### **Điều 6: Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

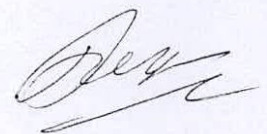
2. Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Nguyễn Đình Quảng**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Việt, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**

**Số: 10/2023/HĐMB**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt tại thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Chúng tôi gồm có:

**I. BÊN BÁN (Bên A): TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT**

- Đại diện là Ông/Bà: Phùng Văn Đại Chức vụ: Tổ trưởng

- Số đăng ký kinh doanh: 14C8002566

- Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

- Điện thoại: 0399500765

**II. BÊN MUA (Bên B): HỢP TÁC XÃ NÔNG SẢN TOÀN THƯƠNG**

- Đại diện là Bà Vương Thị Thương Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng

- Số điện thoại: 0387657688

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Tên hàng - số lượng - chất lượng - giá trị hợp đồng**

| TT        | Tên hàng hóa        | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền  | Ghi chú |
|-----------|---------------------|--------|----------|---------|-------------|---------|
| 1         | Gạo nếp Mèng Thương | kg     | 15.000   | 25.000  | 375.000.000 |         |
| Tổng cộng |                     |        |          |         | 375.000.000 |         |

(Số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi năm triệu đồng)

Chất lượng hàng hóa: Theo TCCS của Bên A. Hàng hóa có bao bì còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu hư hỏng.

### **Điều 2: Thanh toán**

1. Bên B phải tạm ứng cho Bên A 30% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng và thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 05 ngày làm việc sau khi 2 Bên ký biên bản bàn giao sản phẩm.

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

### **Điều 3: Thời gian, địa điểm và phương thức giao hàng**

1. Bên A giao hàng cho bên B tại trụ sở của bên B theo từng đơn đặt hàng.

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu.

3. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024 bên A phải cung cấp đủ cho bên B 15.000 kg gạo nếp theo từng đợt.

### **Điều 4: Trách nhiệm của các bên**

1. Bên A giao hàng đúng thời gian, số lượng, chất lượng tại đã thỏa thuận;

2. Bên B thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

### **Điều 5: Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng**

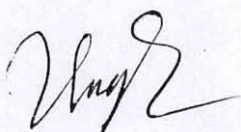
Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 15% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

### **Điều 6: Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

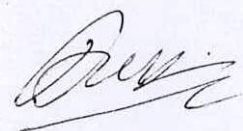
2. Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Vương Thị Thương**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**Phùng Văn Đại**

# **PHỤ LỤC 12**

---

## **CÂU CHUYỆN SẢN PHẨM**

## CÂU CHUYỆN SẢN PHẨM “ GẠO NẾP MÈNG THƯƠNG”

Gạo nếp “Mèng Thương” bắt nguồn từ một vùng quê yên bình nằm tại huyện Văn Lãng. Vùng quê yên bình đó chính là xã Hoàng Việt với tổng diện tích toàn xã là ....., nổi tiếng với những cánh đồng lúa nếp rộng lớn và những người nông dân tận tâm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng trọt.

Từ xa xưa người nông dân xã Hoàng Việt đã chọn lựa được giống lúa nếp tốt nhất để trồng, đảm bảo chất lượng và độ ngon của sản phẩm, đó là gạo nếp “Mèng Thương” một loại gạo nếp nổi tiếng và được người dân xã Hoàng Việt tin tưởng và trồng từ rất lâu đời. Khi vụ trồng đến những cánh đồng lúa nếp ở xã Hoàng Việt trải dài một màu xanh thơ mộng, tạo nên một bức tranh cực kỳ yên bình và hiền hoà.

Giống lúa nếp “Mèng Thương” được trồng ở xã Hoàng Việt đặc biệt với đặc tính nổi bật là hạt gạo nếp to và trắng tinh khiếp. Nhờ vào đặc điểm địa hình và khí hậu đặc biệt của khu vực, những cánh đồng lúa nếp tại đây được ban tặng những tia nắng mặt trời ấm áp và nguồn nước trong mát từ những con suối nguồn, điều này góp phần tạo nên những hạt gạo nếp chất lượng cao và hương vị đặc trưng.

Sau khi thu hoạch và xử lý những hạt gạo nếp “Mèng Thương” của Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt được đóng gói cẩn thận và chuẩn bị đưa đến tay người tiêu dùng. Mỗi hạt gạo được tạo ra là những sự tâm huyết, sự cố gắng, cần cù của bà con nông dân Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt mang đến cho người tiêu dùng một hình ảnh quê hương bình yên, đặc trưng với hương vị tự nhiên nhất.



Với câu chuyện này, chúng ta có thể thấy sự ưu đãi mà mẹ thiên nhiên đã ban tặng cho mảnh đất Hoàng Việt tạo nên sản phẩm gạo nếp “Mèng Thương”, một trong những sản phẩm tự hào bậc nhất của bà con nông dân xã Hoàng Việt nói chung và Tổ hợp tác lúa Hoàng Việt nói riêng.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Âu Hồng Ngân**

# **PHỤ LỤC 13**

---

## **KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

# TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT



**HOÀNG VIỆT**

TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA

## HỒ SƠ LÔ SẢN XUẤT

**Sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương**

*Hoàng Việt, năm 2023*

## MỤC LỤC

| <b>TT</b> | <b>Tên Hồ Sơ</b>                      | <b>Ghi Chú</b> |
|-----------|---------------------------------------|----------------|
| 1         | Lệnh sản xuất                         |                |
| 2         | Phiếu lĩnh vật tư, nguyên phụ liệu    |                |
| 3         | Theo dõi quá trình nhập nguyên liệu   |                |
| 4         | Theo dõi quá trình sơ chế             |                |
| 5         | Theo dõi quá trình đóng gói           |                |
| 6         | Theo dõi quá trình nhập kho, bảo quản |                |
| 7         | Tổng kết quá trình sản xuất           |                |
| 8         | Xử lý dư phẩm                         |                |
| 9         | Xử lý phế phẩm                        |                |

Hoàng Việt, ngày 11 tháng 10 năm 2023

## LỆNH SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

Lệnh sản xuất số: LSX-GN111023

Ngày sản xuất: 11/10/2023

Hạn dùng: 12 tháng ở nhiệt độ 20<sup>0</sup>C- 30<sup>0</sup>C

Số lô/mẻ: LSX-SD111023

Cỡ lô: 200 kg

Định mức vật tư, nguyên phụ liệu:

| TT | Vật tư, nguyên liệu | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------------|--------|----------|---------|
| 1  | Thóc                | kg     | 350      |         |
| 2  | Chậu                | cái    | 2        |         |
| 3  | Thùng               | cái    | 2        |         |
| 4  | Khay đựng           | cái    | 2        |         |
| 5  | Găng tay            | hộp    | 3        |         |
| 6  | Khẩu trang          | hộp    | 2        |         |
| 7  | Bao bì              | cái    | 40       |         |

Bộ phận sản xuất tổ chức theo lệnh sản xuất này, các bộ phận liên quan phối hợp thực hiện.

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phùng Văn Đại**

## PHIẾU LĨNH NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

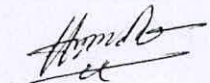
Số lô: LSX-GN111023

| TT | Vật tư, nguyên liệu | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------------|--------|----------|---------|
| 1  | Thóc                | kg     | 350      |         |
| 2  | Chậu                | cái    | 2        |         |
| 3  | Thùng               | cái    | 2        |         |
| 4  | Khay đựng           | cái    | 2        |         |
| 5  | Găng tay            | hộp    | 3        |         |
| 6  | Khẩu trang          | hộp    | 2        |         |
| 7  | Bao bì              | cái    | 40       |         |

Xuất ngày 11 tháng 10 năm 2023


**Người nhận**

(Ký/ghi rõ họ tên)

  
Hà Văn Đạt

**Người giao**

(Ký/ghi rõ họ tên)

  
Phùng Văn Đại

## I. Theo dõi quá trình nhập nguyên liệu

### 1. Kiểm tra:

| STT | Nội dung kiểm tra | Chỉ tiêu kiểm tra                               | Yêu cầu |           | Người kiểm tra | Ghi chú |
|-----|-------------------|---|---------|-----------|----------------|---------|
|     |                   |   | Đạt     | Không đạt |                |         |
| 1   | Thóc              | - Nguyên vẹn, không mốc, lép, vỏ ngoài ngả vàng | Đạt     |           | Đạt            |         |
| 4   | Khu vực nhận      | Sạch sẽ, thoáng mát                             | Đạt     |           | Đạt            |         |

### 2. Tiến hành:

| Mã | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | Ngày       | Tổng khối lượng (Kg) |      | Nhân viên phụ trách | Cán bộ kiểm tra | Ghi chú |
|----|-------------------|----------------------|------------|----------------------|------|---------------------|-----------------|---------|
|    |                   |                      |            | Ban đầu              | Nhận |                     |                 |         |
| 1  | 8h30ph            | 8h45ph               | 11/10/2023 | 350                  | 350  |                     | Đạt             |         |
| 2  |                   |                      |            |                      |      |                     |                 |         |
| 3  |                   |                      |            |                      |      |                     |                 |         |
| 4  |                   |                      |            |                      |      |                     |                 |         |
| 5  |                   |                      |            |                      |      |                     |                 |         |

**Kết quả: Nhận 350kg thóc**

## II. Theo dõi quá trình tách vỏ và sàng lọc gạo

**1. Kiểm tra:**

| STT | Nội dung kiểm tra | Chỉ tiêu kiểm tra                               | Yêu cầu |           | Người kiểm tra | Ghi chú |
|-----|-------------------|---|---------|-----------|----------------|---------|
|     |                   |   | Đạt     | Không đạt |                |         |
| 1   | Thóc              | - Nguyên vẹn, không mốc, lép, vỏ ngoài ngả vàng | Đạt     |           | Đạt            |         |
| 4   | Khu vực sàng lọc  | Sạch sẽ, thoáng mát, máy gọt hoạt động tốt      | Đạt     |           | Đạt            |         |

**2. Tiến hành:**

+ Tiến hành đưa thóc đã phơi khô vào máy

| Mã | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | Ngày       | Tổng khối lượng (Kg) |            | Nhân viên phụ trách | Cán bộ kiểm tra | Ghi chú |
|----|-------------------|----------------------|------------|----------------------|------------|---------------------|-----------------|---------|
|    |                   |                      |            | Ban đầu              | Thành phẩm |                     |                 |         |
| 1  | 8h45ph            | 9h30ph               | 11/10/2023 | 350                  | 200        |                     | Đạt             |         |
| 2  |                   |                      |            |                      |            |                     |                 |         |
| 3  |                   |                      |            |                      |            |                     |                 |         |
| 4  |                   |                      |            |                      |            |                     |                 |         |
| 5  |                   |                      |            |                      |            |                     |                 |         |

**Kết quả: Được 200kg gạo**

**III. Theo dõi quá trình vệ sinh máy móc**

**1. Kiểm tra:**

| STT | Nội dung kiểm tra | Chỉ tiêu kiểm tra            | Yêu cầu |           | Người kiểm tra | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------|---------|-----------|----------------|---------|
|     |                   |                              | Đạt     | Không đạt |                |         |
| 1   | Khu vực           | Sạch, đảm bảo vệ sinh        | Đạt     |           | Đạt            |         |
| 2   | Công nhân         | Kinh nghiệm, mang găng       | Đạt     |           | Đạt            |         |
| 3   | Thực hiện         | Máy móc được lau dọn sạch sẽ | Đạt     |           | Đạt            |         |

**IV. Theo dõi quá trình sát trắng gạo****1. Kiểm tra**

| STT | Nội dung kiểm tra | Chỉ tiêu kiểm tra        | Yêu cầu |           | Nhân viên phụ trách | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------|---------|-----------|---------------------|---------|
|     |                   |                          | Đạt     | Không đạt |                     |         |
| 1   | Khu vực thực hiện | Phòng sát gạo thoáng mát | Đạt     |           | Đạt                 |         |
| 2   | Nhiệt độ          | Dưới 40 độ C             | Đạt     |           |                     |         |
| 3   | Thời gian         | 40 phút                  | Đạt     |           |                     |         |
| 4   | Thành phẩm        | Gạo màu trắng đẹp        | Đạt     |           |                     |         |

**2. Tiến hành:**

- Gạo sau khi bóc vỏ và sàng lọc gạo được cho vào máy sát để đánh trắng

| Mê | Thời gian  | Kết quả (Đạt/không đạt) | Nhân viên phụ trách | Kiểm tra | Ghi chú |
|----|------------|-------------------------|---------------------|----------|---------|
| 1  | 11/10/2023 | Đạt                     |                     | Đạt      |         |

**Kết quả: Đạt được 190kg**

**V. Theo dõi quá trình đóng gói**

**1. Kiểm tra**

| STT | Nội dung kiểm tra | Chỉ tiêu kiểm tra   | Yêu cầu |           | Người thực hiện | Ghi chú |
|-----|-------------------|---|---------|-----------|-----------------|---------|
|     |                   |   | Đạt     | Không đạt |                 |         |
| 1   | Khu vực thực hiện | Sạch sẽ, thoáng mát   | Đạt     |           |                 |         |
| 2   | Máy móc           | Bao bì được xếp trên kệ hàng                                    | Đạt     |           |                 |         |
| 3   | Hình thức         | - Gạo trắng và đều hạt<br>- Đóng gói, bao bì hút chân không kín | Đạt     |           |                 |         |

**2. Tiến hành: Đóng gói hút chân không, mỗi túi 1kg, 3kg, 5kg**

| Mẻ | Thời gian thực hiện | Số sản phẩm thu được (Số lượng, khối lượng/túi) | Người thực hiện | Kiểm tra | Ghi chú |
|----|---------------------|---|-----------------|----------|---------|
| 1  | 12/10/2023          | 40 túi/ 1kg/ túi                                | Lân             | Đạt      |         |
| 1  | 12/10/2023          | 30 túi/ 5kg/ túi                                | Lân             | Đạt      |         |

**Kết quả:** Thu được 70 túi (40 túi 1 kg; 30 túi 5 kg) lưu kho bảo quản.

**VIII. Theo dõi quá trình nhập kho, bảo quản**

**1. Kiểm tra**

| STT | Nội dung kiểm tra | Chỉ tiêu kiểm tra                         | Yêu cầu |           | Người thực hiện | Ghi chú |
|-----|-------------------|---|---------|-----------|-----------------|---------|
|     |                   |   | Đạt     | Không đạt |                 |         |
| 1   | Kho               | Sạch sẽ, thoáng mát. Không có động vật lạ | Đạt     |           |                 |         |
| 2   | Nhiệt độ bảo quản | 20-30 độ C                                | Đạt     |           |                 |         |

**2. Tiến hành:** Xếp hàng vào tủ chứa, nhập dữ liệu lô.

| Mê | Thời gian thực hiện | Số sản phẩm thu được (Số lượng, thể tích/chai) | Người thực hiện | Kiểm tra | Ghi chú |
|----|---------------------|--|-----------------|----------|---------|
| 1  | 12/10/2023          | 40 túi/ 1kg<br>30 túi/ 5kg                     |                 | Đạt      |         |

**Kết quả:** Kiểm tra, nhập kho sản phẩm. Sau đó được bảo quản ở tủ trữ 20-30 độ C

## TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

### XỬ LÝ DƯ PHẨM

**Thành phẩm:** Gạo nếp Mèng Thương

Số lô sản xuất: LSX-GN11102023

Ngày sản xuất: 11/10/2023

| Ngày         | Loại dư phẩm     | Số lô          | Số lượng | Hình thức xử lý                 |  |
|--------------|------------------|----------------|----------|---------------------------------|--|
| LSX-GN111023 | Gạo thừa sau sát | LSX-GN11102023 | 10 kg    | Thực hiện làm thức ăn chăn nuôi | Người xử lý/<br>Người tổng kết<br>Ngọc |
|              |                  |                |          |                                 |  |
|              |                  |                |          |                                 |  |
|              |                  |                |          |                                 | Người kiểm tra<br>Thương               |
|              |                  |                |          |                                 |  |
|              |                  |                |          |                                 |  |

## TỔ HỢP TÁC LÚA HOÀNG VIỆT

Địa chỉ: Thôn Khun Pinh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

### XỬ LÝ PHÉ PHẨM

Thành phẩm: Gạo nếp Mèng Thương

Số lô sản xuất: LSX-PP112023

Ngày sản xuất: 11/10/2023

| Ngày       | Loại phé phẩm | Số lô          | Số lượng | Hình thức xử lý                                      |                                     |  |
|------------|---------------|----------------|----------|--|-------------------------------------|--|
| 11/10/2023 | Vỏ chấu       | LSX-PP11102023 | 150kg    | Làm phân bón + chất độn đất trong sản xuất giống cây | Người xử lý/ Người tổng kết<br>Bảng |  |
|            |               |                |          |  |                                     |  |
|            |               |                |          |  |                                     |  |
|            |               |                |          |  | Người kiểm tra<br>Thương            |  |
|            |               |                |          |  |                                     |  |
|            |               |                |          |  |                                     |  |
|            |               |                |          |  |                                     |  |
|            |               |                |          |  |                                     |  |


## TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

|   |   |
|---|---|
| Tên sản phẩm: Gạo nếp Mèng Thương                                     |   |
| Số lô sản xuất: LSX-GN111023  | Cỡ lô: 200 kg                               |
| Ngày sản xuất: 11/10/2023   | Hạn dùng: 12 tháng ở nhiệt độ từ 20-30 độ C |
| Quy cách đóng hộp: Sản phẩm được đóng gói có khối lượng tịnh 1kg, 5kg | Ngày hoàn thành: 12/10/2023                 |

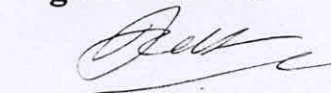
| Nội dung                                    | Số lượng                 | Ngày/Người tổng kết           |
|---|--------------------------|-------------------------------|
| Sản lượng dự kiến:                          | 200 kg                   | Đại                           |
| Sản lượng thực tế:                          | 190 kg                   |                               |
| Số lượng xuất xưởng                         | 30 túi 5kg<br>40 túi 1kg | Ngày/Người kiểm tra: 12/Đại   |
| Số lượng lấy mẫu kiểm nghiệm thành phần     | 1                        |                               |
| Chênh lệch giữa thực tế và lý thuyết: 10 kg |                          | Ngày/Người phụ trách: 12/ Đại |

Hoàng Việt, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Người tổng kết

  
Hoàng Việt

Người kiểm tra

  
Phùng Văn Đại

**HÌNH ẢNH SẢN PHẨM**

---

**PHỤ LỤC 14**



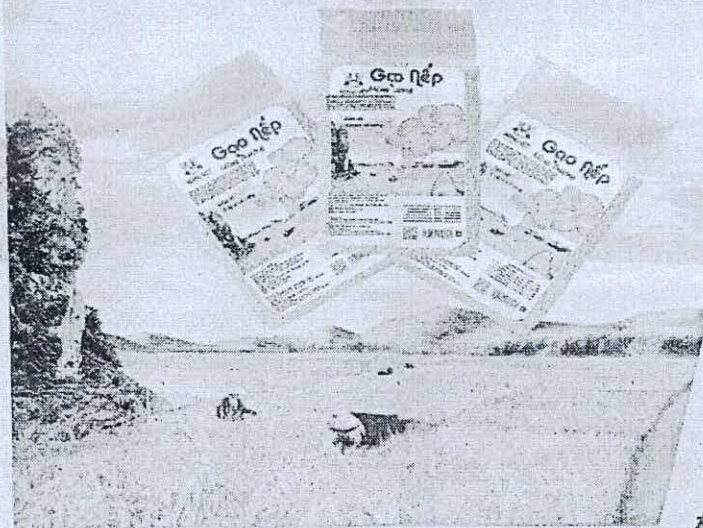
# Gạo nếp

Mèng Thương



*Đậm đà  
vị ngon xứ Lạng*

"Giống gạo nếp Mèng Thương được ông cha gìn giữ truyền lại từ bao thế hệ, trải qua hàng trăm năm lịch sử, đến nay vẫn được cộng đồng người Tày, Nùng xứ Lạng chăm sóc và chăm sóc. Sau thời kỳ nuôi dưỡng tại vùng đất Khun Pính, được sông Kỳ Cùng bồi đắp phù sa, không khí trong lành, cùng những bàn tay khéo léo đã tạo nên loại gạo thượng hạng, hạt tròn đều căng mẩy, thơm ngào ngào, nấu chín dẻo quẹo, vị ngọt béo đặc trưng, ăn một lần là nhớ mãi."

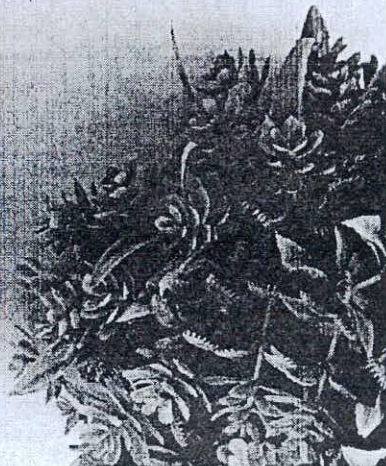
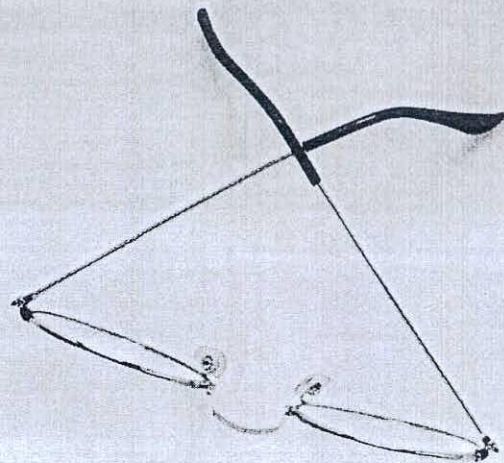


# Gạo nếp

Mèng Thương



*Đậm đà  
vị ngon xứ Lạng*





HOÀNG VIỆT  
TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA

# Gạo Nếp

Mèng Thương



Đậm đà  
vị ngon xứ Lạng

"Giống gạo nếp Mèng Thương được ông cha gìn giữ truyền lại từ bao thế hệ, trải qua hàng trăm năm lịch sử, đến nay vẫn được cộng đồng người Tày, Nùng xứ Lạng ươm mầm và chăm sóc. Sáu tháng nuôi dưỡng tại vùng đất Khun Pính, được sông Kỳ Cùng bồi đắp phù sa, không khí trong lành, cùng những bàn tay khéo léo đã tạo nên loại gạo thượng hạng, hạt tròn đều căng mẩy, thơm ngào ngọt, nấu chín dẻo quện, vị ngọt béo đặc trưng, ăn một lần là nhớ mãi."



HOÀNG VIỆT  
TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA



Anh hùng dân tộc Hoàng Văn Thụ, người chiến sỹ cộng sản kiên trung bất khuất, người con ưu tú của mảnh đất xứ Lạng nói chung và Văn Lãng nói riêng, nơi đây được thiên nhiên ưu đãi vùng đất trù phú, màu mỡ, có dòng nước nguồn mát mé chảy quanh cánh rừng hồi tỏa hương thơm ngát quanh năm, tô điểm cho cánh đồng lúa vàng óng trải dài khắp quê hương anh hùng dân tộc Hoàng Văn Thụ. Nhờ đến quê hương anh là nhớ đến Gạo nếp Mèng Thương là toại gạo mềm, dẻo có mùi thơm đặc trưng sản xuất tại tổ hợp tác Lúa Hoàng Việt.

Gạo Nếp Mèng Thương là giống lúa được gieo trồng trên cánh đồng xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng. Bà con nông dân tận dụng ưu đãi của thiên nhiên tạo nên một vùng canh tác Lúa nếp tập trung, để trở thành một trong những vùng canh tác Lúa trọng điểm của huyện Văn Lãng. Khi mùa vàng về, đến thăm cánh đồng bạn sẽ thấy những bông lúa vàng nặng trĩu hạt vươn ra phía trước, phất phơ đùa vui cùng chị gió. Nhìn những hạt lúa đều to, tròn, chắc, mẩy, chứa bao tâm tình gửi gắm cũng như bao mồ hôi công sức của người làm nông. Đồng thời, cây lúa cũng hấp thụ từ nguồn dưỡng khí của trời đất, của hương đồng cỏ nội, không phụ công người cấy cấy mà sinh trưởng nhanh và cho năng suất cao.



TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA HOÀNG VIỆT  
Địa chỉ: Thôn Khun Pính, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng,  
tỉnh Lạng Sơn  
Điện thoại: 0399500765 - 0397511131



**HOÀNG VIỆT**

**TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LÚA**

